BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH TÂM LÝ HỌC

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: **7310401**

Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

BẢN MÔ TẢ 1
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 1
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo 3
1.2. Thông tin chung 3
1.3. Triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và hệ thống giá trị 3
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals) 4
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) 5
1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học 10
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp 11
1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập (TLMs) 12
1.9. Chiến lược và phương pháp đánh giá (AMs) 17
1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs) 22
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY 76
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy 76
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy 76
2.3. Danh sách các học phần 78
2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chươug trình đào tạo 89
2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 97
2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra 108
2.7. Tiến trình giảng dạy 117
2.8. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN 131
2.9. Đối sánh CTĐT với các Trường Đại học đã tham khảo 148
III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 151

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học (TLH) nhằm đào tạo cử nhân TLH có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động tâm lý.

1.2. Thông tin chung

Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Tâm lý học

1. Tên chương trình đào tạo	**Tâm lý học (Psychology)**
2. Mã ngành đào tạo	**7310401**
3. Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
4. Thời gian đào tạo	4 năm
5. Tên gọi văn bằng	Cử nhân Tâm lý học
6. Trường cấp bằng	Trường Đại Học Lao động – Xã hội
7. Khoa quản lý	Công tác xã hội
8. Số tín chỉ yêu cầu	121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất + Giáo dục quốc phòng an ninh
9. Website	www.ulsa.edu.vn
10. Fanpage	
11. Ban hành	Quyết định số……/QĐ-ĐHLĐXH, ngày…. Tháng…. Năm…..

1.3. Triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và hệ thống giá trị

1.3.1. Triết lý giáo dục:

1.3.2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường ĐH Lao động Xã hội và Khoa CTXH

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Công tác xã hội
Tầm nhìn	Đến năm 2030, Trường Đại học Lao động – Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành	Khoa Công tác xã hội là một trong những đơn vị hàng đầu của Trường ĐH Lao động – Xã hội cung cấp hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tư vấn chất lượng cao trong lĩnh vực TLH. Đến năm 2030, Khoa Công tác xã hội phấn đấu nằm trong danh sách 10 cơ sở đào tạo ngành TLH uy

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Công tác xã hội
	trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN	tín và tốt nhất Việt Nam.
Sứ mạng	Trường Đại học Lao động – Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành LĐTBXH trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Tâm lý học, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế	Thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng thông qua việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức trong các lĩnh vực TLH; đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển và hội nhập sâu rộng của ngành LĐTBXH và đất nước.
Giá trị cốt lõi	**Chuyên nghiệp - Sáng tạo - Hội nhập**	**Chuyên nghiệp:** nghiên cứu, giảng dạy và học tập chuyên nghiệp. **Sáng tạo:** phong cách học tập và làm việc năng động, thích ứng nhanh. **Hội nhập:** Hội nhập là đối sánh và tiếp thu những thành tựu khoa học - công nghệ mới.

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals)

1.4.1 Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành TLH được xây dựng nhằm cung ứng cho xã hội nguồn nhân lực TLH có đủ năng lực đảm nhận các vị trí cán bộ tâm lý ở các cấp độ và trong các môi trường làm việc khác nhau.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Đào tạo người học có kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quốc phòng – an ninh;

PO2: Đào tạo người học có tư duy hệ thống và phản biện trong việc vận dụng các khối kiến thức nền tảng về cơ sở ngành, khối ngành cũng như có sự hiểu biết sâu sắc về kiến thức chuyên ngành trong lĩnh vực TLH;

PO3: Đào tạo người học có khả năng thích nghi, học tập sáng tạo và ứng dụng nhuần nhuyễn khối kỹ năng chuyên ngành cũng như khối kỹ năng mềm thông qua các hoạt động giáo dục lý thuyết trên lớp và thực hành tại thực địa;

PO4: Đào tạo người học trở thành công dân toàn cầu có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, có sức khỏe tốt để làm việc một cách độc lập cũng như có khả năng làm việc nhóm và phát huy trí tuệ tập thể;

PO5: Có ý thức tự học và rèn luyện để tích lũy thêm kiến thức, có khả năng học tập ở bậc học cao hơn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hay thông qua các khóa học để lấy các chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

- ***Về kiến thức***

- **PLO1**: Nhận biết, giải thích và có khả năng phân tích được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quốc phòng - an ninh.
- **PLO2**: Nhận biết, và hiểu được các kiến thức về cơ sở khối ngành liên quan tới các lĩnh vực luật pháp chính sách, thống kê xã hội, ngoại ngữ, tin học… để làm cơ sở hiểu biết và phát triển các khối kiến thức cơ sở của ngành
- **PLO3:** Nhận biết, giải thích và vận dụng được các kiến thức về xã hội, các kiến thức nền tảng liên quan tới TLH làm cơ sở để vận dụng vào can thiệp và hỗ trợ đối tượng
- **PLO4:** Nhận biết, giải thích và vận dụng được các kiến thức về xã hội học, cong tác xã hội để hình thành kiến thức cơ sở và phát triển các lĩnh vực liên quan tới TLH
- **PLO5:** Nhận biết, diễn giải, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực TLH để có thể thực hiện hoặc phối hợp cùng thực hiện các hoạt động nghề nghiệp như hỗ trợ kết nối chuyển gửi, cung cấp dịch vụ tâm lý, nghiên cứu TLH, triển

khai các chương trình dự án, biện hộ đề xuất chính sách, truyền thông, giáo dục, huy động nguồn lực cho đối tượng;

- **PLO6:** Phân tích và xử lý và ứng dụng các kiến thức chuyên ngành của TLH như các nguyên tắc, triết lý, vai trò cũng như tiến trình và các phương pháp can thiệp đặc thù khi cung cấp dịch vụ tâm lý và đảm bảo an sinh xã hội cho cá nhân, nhóm, cộng đồng cần sự hỗ trợ;

- ***Về kỹ năng***

- **PLO7:** Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực tâm lý nói chung;
- **PLO8:** Có khả năng vận dụng kỹ năng sống, kỹ năng mềm trong các hoạt động giáo dục xã hội, truyền thông cũng như ứng xử giao tiếp ở các bối cảnh khác nhau;
- **PLO9:** Có khả năng vận dụng các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực TLH
- **PLO10:** Có khả năng vận dụng các kỹ năng thúc đẩy sự tương tác, khích lệ và xử lý mâu thuẫn khi hỗ trợ và làm việc với các nhóm có nhu cầu;
- **PLO11:** Có kỹ năng ứng xử và giao tiếp, làm việc linh hoạt, hợp lý
- **PLO12:** Có kỹ năng triển khai các hoạt động vận hành một cách phù hợp việc cung cấp dịch vụ tâm lý trong các cơ sở trợ giúp cũng như các kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực tâm lý;

- ***Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm***

- **PLO13:** Có trách nhiệm của một công dân với xã hội; Có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.
- **PLO14:** Có thái độ đạo đức nghề nghiệp luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu. Luôn tâm huyết trong công việc. Luôn tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp với thân chủ, với đồng nghiệp, và với ngành nghề mình phục vụ.
- **PLO15:** Có ý thức tự học để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.

- **Về trình độ tin học và ngoại ngữ**

- **PLO 16:** Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 400 điểm hoặc tương tương.

- **PLO17**: Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

Bảng 1.3. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình POs và chuẩn đầu ra chương trình PLOs

Mục tiêu (POs)	**PLOs**																
	1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**	**16**	**17**
PO1	X	X	X	X	X	X											
PO2			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X					
PO3			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X					
PO4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PO5													X	X	X	X	X

Bảng 1.4. Đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT ngành Tâm lý học đáp ứng Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực

Chuẩn đầu ra (PLOs)	**Khung trình độ**	**Thang trình độ năng lực**
PLO1:Nhận biết, giải thích và có khả năng phân tích được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quốc phòng – an ninh.	K2	4
PLO2: Nhận biết, và hiểu được các kiến thức về cơ sở ngành liên quan tới các lĩnh vực luật pháp chính sách, thống kê xã hội, ngoại ngữ, tin học… để làm cơ sở hiểu biết và phát triển các khối kiến thức chuyên ngành;	K1,4+S3	5
PLO3: Nhận biết, giải thích và vận dụng được các kiến thức về xã hội, các kiến thức nền tảng liên quan tới TLH làm cơ sở để vận dụng vào các hoạt động nghề nghiệp	S3	5

PLO4: Nhận biết, giải thích và vận dụng được các kiến thức về, xã hội học, an sinh xã hội cũng như phân tích hoạch định chính sách để hình thành kiến thức cơ sở và phát triển các lĩnh vực liên quan tới TLH.	C1+S4	5
PLO5: Nhận biết, diễn giải, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực TLH để có thể thực hiện hoặc phối hợp cùng thực hiện các hoạt động nghề nghiệp như hỗ trợ kết nối chuyển gửi, cung cấp dịch vụ tâm lý, nghiên cứu TLH, triển khai các chương trình dự án, biện hộ đề xuất chính sách, truyền thông, giáo dục, huy động nguồn lực cho đối tượng;	S6	4
PLO6: Phân tích, xử lý và ứng dụng các kiến thức chuyên ngành của TLH như các nguyên tắc, triết lý, vai trò cũng như tiến trình và các phương pháp can thiệp đặc thù khi cung cấp dịch vụ tâm lý và đảm bảo an sinh xã hội cho cá nhân, nhóm, cộng đồng cần sự hỗ trợ;	S3	4
PLO7: Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực TLH nói chung;	S1	4
PLO8: Có khả năng vận dụng kỹ năng sống, kỹ năng mềm trong các hoạt động giáo dục xã hội, truyền thông cũng như ứng xử giao tiếp ở các bối cảnh khác nhau;	C1	4
PLO9: Có khả năng vận dụng các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực TLH	K5	4
PLO10: Có khả năng vận dụng các kỹ năng thúc đẩy sự tương tác, khích lệ và xử lý mâu thuẫn khi hỗ trợ và làm việc với các nhóm có nhu cầu;	K1,4+S3	5
PLO11: Có kỹ năng ứng xử và giao tiếp, làm việc mềm dẻo, nhuần nhuyễn	S3	5
PLO12: Có kỹ năng triển khai các hoạt động vận hành một cách linh hoạt việc cung cấp dịch vụ tâm lý trong các cơ sở trợ giúp cũng như các kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực TLH;	C1+S4	5

PLO13: Có trách nhiệm của một công dân với xã hội; Có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.	S6	4
PLO14: Có thái độ đạo đức nghề nghiệp luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu. Luôn tâm huyết trong công việc. Luôn tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp với thân chủ, với đồng nghiệp,	C1	4
PLO15: Có ý thức tự học để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.	S1	4
PLO16: Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 400 điểm hoặc tương tương	S6	4
PLO17: Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	K3	4

Danh mục các chuẩn đối sánh:

(1) TĐNL - Trình độ năng lực chung:

Thang trình độ năng lực chung

Thang TĐNL	Khả năng hoạt động	Khả năng nhận thức
1.0	Có biết/ trải qua	
2.0	Có thể tham gia vào và đóng góp cho	Khả năng Nhớ
3.0	Có thể hiểu và giải thích	Khả năng Hiểu
4.0	Có khả năng thực hành / triển khai trong	Khả năng Áp dụng / Phân tích

5.0	Có thể dẫn dắt/ sáng tạo trong	Khả năng Tổng hợp/Đánh giá vấn đề

(2) Khung TĐQG - Khung trình độ quốc gia - bậc 6

Kiến thức (K):

Kl. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành dào tạo.

K2. Kiển thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.

K3. Kiến thức về công nghệ thông tin dáp ứng yêu cầu công việc.

K4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trinh trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.

K5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

Kỹ năng (S):

S1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.

S2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

S3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi

S4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

S5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

S6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ cùa Việt Nam.

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):

Cl. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

C2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

C3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

C4. Lập kể hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học

1.6.1. Cơ hội việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân tâm lý học có thể:

- Làm giáo viên giảng dạy Tâm lí học tại các Trường Cao đẳng, Đại học…
- Làm cán bộ nghiên cứu, cán bộ dự án phát triển cộng đồng tại các Viện Tâm lí học, các Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng Tâm lí học, các Tổ chức Phi Chính phủ trong và

ngoài nước…

- Làm cán bộ tham vấn, tư vấn tâm lý tại các công ty, trung tâm, cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lí
- Là nhân viên phòng nhân sự; phòng Marketting; Thiết kế quảng cáo, Nghiên cứu thị trường; trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh…
- Làm các hoạt động tham vấn, trị liệu trong các bệnh viện
- Là cán bộ Đoàn, Đảng, cán bộ tuyên giáo trong các tổ chức đoàn thể, chính quyền ở các địa phương trong cả nước.

1.6.2. Cơ hội học tập

- Người học có thể đăng ký thi tuyển để học tập nâng cao trình độ ở bậc thạc sỹ, tiến sỹ ở trong nước và ngoài nước. Đồng thời có thể tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ.
- Người học có cơ hội học chuyển đổi sang các ngành gần như Công tác xã hội, Xã hội học… tại các trường đại học trong nước và quốc tế.

1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh

- Thực hiện theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Lao động - Xã hội
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương
- Phương thức tuyển sinh:

1.7.2 Quá trình đào tạo

Thực hiện theo Quyết định số 1042/QĐ-ĐHLĐXH ngày 05/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.7.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

- Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích luỹ đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích luỹ của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;
- Thoả mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính; Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường;
- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần giáo dục thể chất;

- Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

1.7.4. Hệ thống tính điểm

Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A : 3,7

B+: 3,5 B : 3,0

C+: 2,5 C : 2,0

D+: 1,5 D : 1,0

F+: 0,5 F : 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích luỹ được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^{n} a_i x n_i}{\sum_{i=1}^{n} n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích luỹ

a_i: là điểm học phần thứ i

n_i: là số tín chỉ của học phần thứ i

n: là tổng số học phần

1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập (TLMs)

1.8.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Chiến lược dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó các thông tin được truyền tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bầy và người học lắng nghe. Chiến lược này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành TLH áp dụng gồm: Giải thích cụ thể, Thuyết giảng, Tham luận và Câu hỏi gợi mở. Cụ thể như sau:

- **Giải thích cụ thể** (Explicit leaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.
- **Thuyết giảng** (Lecture): Giảng viên trình bầy nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.
- **Tham luận** (Guest Lecture): Theo phương pháp này, người học tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những trao đổi chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.
- **Câu hỏi gợi mở** (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết vấn đề đặt ra.

1.8.2. Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm

Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động là chiến lược khuyến khích người học thực hiện, tạo cơ hội cho người học thực hành. Điều này thúc đẩy người học khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Tâm lý học áp dụng gồm: Trò chơi; thực tập, thực tế; thảo luận. Cụ thể:

- **Trò chơi** (Game): Trò chơi là hoạt động đầy thử thách, mô phỏng, hoặc các cuộc thi được chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi cung cấp cho người học cơ hội nâng cao kiến thức thực tế, ra quyết định và kỹ năng giao tiếp, được thiết kế để đạt được những kỳ vọng được xác định rõ ràng như làm việc nhóm, phát triển kỹ năng hoặc cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò trơi giúp người học nhận ra rằng quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đến bản thân cũng như của những người khác cùng tham gia.
- **Thực tập, thực tế** (Field Trip): Thông qua các hoạt động thực hành môn học, thực tập sinh viên được tiếp cận và hiểu được môi trường thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp. Sinh viên có thể học hỏi thêm được những kiến thức và kỹ năng đang được thực

hiện trong các đơn vị thực hành, thực tập từ đó hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc phù hợp. Phương pháp này không chỉ giúp cho người học hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp.

- **Thảo luận** (Discussion)**:** Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với cũng quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình

1.8.3. Chiến lược dạy kỹ năng tư duy

Chiến lược dạy kỹ năng tư duy phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành phản xạ trong cách tiếp cận học tập của người học. Những chiến lược này cũng được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo và độc lập cho người học. Các phương pháp chiến lược này gồm: Giải quyết vấn đề; Học theo tình huống. Cụ thể:

- **Giải quyết vấn đề** (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần.
- **Học theo tình huống** (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tính huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu.

1.8.4. Chiến lược dạy học tương tác

Chiến lược dạy học tương tác giúp cho người học trở nên năng động, có trách nhiệm và quan tâm đến người khác bằng cách thúc đẩy các tương tác nhóm tích cực và có tính hợp tác, hành vi lăng nghe, tôn trọng và trọng lượng của cả hai mặt của một lập luận hoặc của một vấn đề nào đó. Trọng tâm của việc học tương tác là dạy cho người học tương tác thành công với nhau và chuyển những kỹ năng đó thành những tương tác hiệu quả trong xã hội. Học nhóm là một phương pháp được áp dụng theo chiến lược này.

- **Học nhóm** (Teamwork Learning): Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bầy kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

1.8.5. Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy

Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Người học xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề hoặc báo cáo các kết luận dựa trên các bằng chứng thu thập được. Chương trình đào tao ngành Tâm lý học sử dụng các phương pháp: Nghiên cứu độc lập; Dự án nghiên cứu; Nhóm nghiên cứu giảng dạy.

- **Nghiên cứu độc lập:** Phương pháp này phát triển khả năng của người học trong việc lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp đối với chủ đề một cách độc lập dưới sự hướng dẫn của các giảng viên. Phương pháp này cũng tăng cường động lực học và tích cực tham gia học tập vì người học được phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày. Tại Trường ĐH Lao động – Xã hội có nhiều sách, tài liệu tham khảo được cập nhập hỗ trợ hữu ích cho người học
- **Dự án nghiên cứu** (Research Project): Người học nghiên cứu một chủ đề nào đó liên quan đến môn học và viết báo cáo.
- **Nhóm nghiên cứu giang dạy** (Teaching Research Team): Người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho người học tiếp tục học tập cao hơn ở bậc sau đại học.

1.8.6. Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ

Phương pháp kết hợp nhằm kết hợp phương pháp lên lớp truyền thống với học trực tuyến (E-learning; Zoom…). Thông qua hệ thống phần mềm quản trị đào tạo, giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của sinh viên. Đây là chiến lược quan trọng nhằm chuyển đổi kỹ thuật số trong quá trình đào tạo ngành TLH.

1.8.7. Chiến lược tự học

Chiến lược tự học giúp cho người học tiếp thu kiến thức và hình thành các kỹ năng để có thể tự định hướng, chủ động trong việc học. Người học có cơ hội lựa chọn chủ để học, khám phá và nghiên cứu sâu về một vấn đề. Từ đó, người học hình thành các kỹ năng quản lý thời gian và tự giám sát việc học. Phương pháp học theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Tâm lý học áp dụng chủ yếu là đọc tài liệu và làm bài tập ở nhà.

- **Bài tập ở nhà** (Work Assignment): Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Bảng 1.5. Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được

Chuẩn dầu ra (PLOs)

Chiến lược và Phương pháp dạy - học		PLOs																
		Kiến thức						Kỹ năng						Tự chủ, tự chịu trách nhiệm			Trình độ ngoại ngữ, tin học	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	**Dạy học trực tiếp**																	
TLM1	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x		
TLM2	Thuyết giảng (Lecture)	x	x	x	x	x	x		x				x		x	x		
TLM3	Tham luận (Guest Lecture)	x	x		x	x	x	x	x				x	x	x	x		
TLM4	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	x	x		x	x		x	x			x	x	x	x	x	x	x
II	**Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm**																	
TLM5	Trò chơi (Game)	x	x	x		x								x	x	x	x	x
TLM6	Thực tập. thực tế (Field Trip)		x		x	x	x				x		x	x		x	x	x
TLM7	Thảo luận (Discussion)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
III	**Dạy kỹ năng tư duy**																	

TLM8	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
TLM9	Học theo tình huống (Case Study)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
IV	**Dạy học tương tác**																	
TLM10	Học nhóm (Teamwork Learning)	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x
V	**Dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy**																	
TLM11	Nghiên cứu độc lập	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x
TLM12	Dự án nghiên cứu (Research Project)	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x
TLM13	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x
VI	**Dạy học dựa vào công nghệ**																	
TLM14	Học trực tuyến (E-Learning)	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x
VII	**Tự học**																	
TLM15	Bài tập ở nhà (Work Assignment)	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x	x	x	x	x

1.9. Chiến lược và phương pháp đánh giá (AMs)

1.9.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả của người học là quá trình ghi chép, lưu trữ vả cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suôt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, Khoa thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học, phụ huynh và nhà quản lý; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, Khoa, Bộ môn, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt dộng dạy học, đảm bào định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy - học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đây đù thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo hiện hành cùa nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy cùa từng học phần.

1.9.1.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment)

- **Đánh giá chuyên cần** (Attendance Check):

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành... trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập cùa người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ xảo một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan sau khi tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric tùy thuộc vào tính chất của học phần quy định.

- **Đánh giá bài tập** (Work Assignment):

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

- **Đánh giá thuyết trình** (Oral Presentation):

Trong một số học phần, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết

một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

1.9.1.2 Đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment)

Mục tiêu của lại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ cùa người học tại thời điểm nhất định trong quá trình day- hoc gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn dáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá lảm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), báo cáo thực tập, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp (graduation report/Thesis).

- **Kiểm tra viết** (Written Exam):

Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vẩn đề liên quan dển yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giả được sừ dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội đung kiến thức của học phần.

- **Kiểm tra trắc nghiệm** (Multiple choiee Exam):

Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.

- **Bảo vệ và thi vấn đáp** (Oral Exam):

Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiêp.

- **Viết báo cáo** (Written Report):

Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ,... trong báo cáo.

- **Thuyết trình** (Oral Presentation):

Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại

đánh giá theo tiến trình theo rubric 4, Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

- **Đánh giá làm việc nhóm** (Teamwork Assessment):

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm cùa người học (như: tổ chức, quản lí, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh dạo nhóm).

- **Thực hành** (Practice):

Trong một số học phần, người học được vêu cầu thực hành phát triển các kỹ nàng thực hành nghề nghiệp.

- **Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp** (Graduation report, Thesis):

Báo cáo thực tập tốt nghiệp, chuvên đề hay khóa luận tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp bằng cách sừ dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

Bảng 1.6. Mối liên hệ giữa Phương pháp đảnh giá (AMs) nhằm đạt Chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá (Assessment)		**PLOs**																
		Kiến thức						**Kỹ năng**						**Tự chủ, tự chịu trách nhiệm**			**Trình độ ngoại ngữ, tin học**	
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	7	**8**	**9**	10	11	12	13	14	15	16	17
I	**Đánh giá theo tiến trình (Ongoing, FormativeAssessment)**																	
AMI	Đánh giá chuyên can (Attendance Check)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
11	**Đánh giá tổng kết, định kỳ (Sum mative Assessment)**																	
AM4	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM5	Kiêm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

AM6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x
AM7	Viết báo cáo (Written Report)					x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x
AM8	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)	x	x		x	x	x		x	x	x		x	x		x	x	x
AM9	Thực hành (Practice)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM10	Báo cáo thực tập, khóa luận lốt nghiệp (Graduation Report. Thesis)	x	x		x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x	x

1.9.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubric)

Rubric 1: Checklist đánh giá chuyên cần (Attendance Check) trong đánh giá học phần

Rubric 2: Phân tích đánh giá phương pháp và nội dung trong bài thuyết trình

Rubric 3: Đánh giá làm việc nhóm

Rubric 4: Đánh giá thực tập tốt nghiệp

Rubric 5: Đánh giá khoá luận tốt nghiệp

Rubric 6: Đánh giá rèn luyện sinh viên

1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Bảng 1.7. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp dánh giá (AMs)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO1: Nhận biết, giải thích và có khả năng phân tích được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quốc phòng – an ninh	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TKXH1322H	Thống kê xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TML9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM9
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BORl1421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3
	CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	COV11421T	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV21421T	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	COV31421T	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	QSCS1423L	Quân sự chung	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TML8, TML10	AM1, AM4, AM5
	KCT.BB 1421H	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
PLO2: Nhận biết và hiểu được các kiến thức về cơ sở khối ngành liên quan tới các lĩnh vực luật pháp chính sách, thống kê xã hội, ngoại ngữ, tin học… để làm cơ sở hiểu biết và phát triển các khối kiến thức cơ sở của ngành	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM8
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM9
	TKXH1322H	Thống kê xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM9, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM9, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	ATL10621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8,	AM1, AM4

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	ATL20621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8,	AM1, AM4
	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TML9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9
	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM9
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BORl1421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM9
	CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3
	CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	COV11421T	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV21421T	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	COV31421T	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6
	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
	QSCS1423L	Quân sự chung	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TML8, TML10	AM1, AM4, AM5
	KCT.BB 1421H	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5
PLO3: Nhận biết, giải thích và vận dụng được các kiến thức về xã hội, các kiến thức nền tảng liên	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
quan tới TLH làm cơ sở để vận dụng vào các hoạt động nghề nghiệp	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM2, TML4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM 7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	NCHO0322L	Nhân chủng học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	GĐHO0322L	Gia đình học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15, TLM3	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
		Tham vấn và thực hành tham vấn	TM2, TLM5, TLM7, TLM9, TLM14, TM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5, AM6
		Công tác xã hội với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7, AM5
PLO4: Nhận biết, giải thích và vận dụng được các kiến thức về xã hội học, công tác xã hội để hình thành kiến thức cơ sở và phát triển các lĩnh vực liên quan tới TLH	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM2, TML4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM 7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	NCHO0322L	Nhân chủng học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	GĐHO0322L	Gia đình học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15, TLM3	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
		Tham vấn và thực hành tham vấn	TM2, TLM5, TLM7, TLM9, TLM14, TM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5, AM6, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
		Công tác xã hội với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM7, AM8
PLO5: Nhận biết, diễn giải, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực TLH để có thể thực hiện hoặc phối hợp cùng thực hiện các hoạt động nghề nghiệp như hỗ trợ kết nối chuyển gửi, cung cấp dịch vụ tâm lý, nghiên cứu TLH, triển khai các chương trình dự án, biện hộ đề xuất chính sách, truyền thông, giáo dục, huy động nguồn lực cho đối tượng;	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM8
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4/AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+AM8, AM4

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	TVCB0322H	Tham vấn cơ bản	TLM1, TLM2, TML3, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
PLO6 Phân tích và xử lý và ứng dụng các kiến thức chuyên ngành của TLH như các nguyên tắc, triết lý, vai trò cũng như tiến trình và các phương pháp can thiệp đặc thù khi cung cấp dịch vụ tâm lý và đảm bảo an sinh xã hội cho cá nhân, nhóm, cộng đồng cần sự hỗ trợ	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM3, AM8, AM7
	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15, TLM3	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM15	AM1, AM10
	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8 AM4, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4 AM7, AM8
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
		Tham vấn và thực hành tham vấn	TM2, TLM5, TLM7, TLM9, TLM14, TM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5, AM6
		Công tác xã hội với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM5
	KLTN0326T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM6, TLM11	AM10
PLO7.Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực tâm lý nói chung;	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM2, TML4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM 7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	NCHO0322L	Nhân chủng học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	GĐHO0322L	Gia đình học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM8
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4/AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+AM8, AM4
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4, AM7
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM3, AM8, AM7
	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15, TLM3	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8 AM4, AM7
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
		Tham vấn và thực hành tham vấn	TM2, TLM5, TLM7, TLM9, TLM14, TM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5, AM6, AM8
		Công tác xã hội với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM5, AM8
	KLTN0326T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM6, TLM11	AM10
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7, AM8
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7, AM8
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7,AM8
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM3, AM4, AM5, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM9
	TKXH1322H	Thống kê xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM3, AM4, AM5, AM8
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4,AM8
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM9, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM9, TLM8, TLM10	AM1, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	ATL10621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8,	AM1, AM4
	ATL20621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8,	AM1, AM4
	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TML9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM9
	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1,AM3, AM8, AM9
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM9
	BORl1421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM9
	BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM9
	CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3,AM8
	CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM9
	COV11421T	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	COV21421T	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6, AM8
	COV31421T	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6, AM8
	ĐLQP1422L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5, AM3, AM8
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5, AM3, AM8
	QSCS1423L	Quân sự chung	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TML8, TML10	AM1,AM3, AM4, AM5, AM8
	KCT.BB 1421H	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM3, AM5, AM8
PLO8: Có khả năng vận dụng kỹ năng sống, kỹ năng mềm trong các hoạt động giáo dục xã hội, truyền thông cũng như ứng xử giao tiếp ở các bối cảnh khác nhau;	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM2, TML4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM 7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	NCHO0322L	Nhân chủng học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	GĐHO0322L	Gia đình học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM8
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4/AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+AM8, AM4
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4, AM7
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM3, AM8, AM7
	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15, TLM3	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM15	AM1, AM10
	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8 AM4, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
		Tham vấn và thực hành tham vấn	TM2, TLM5, TLM7, TLM9, TLM14, TM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5, AM6, AM8
		Công tác xã hội với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM5, AM8
	KLTN0326T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM6, TLM11	AM10
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
PLO9: Có khả năng vận dụng các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực TLH	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM8
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4/AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+AM8, AM4
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4, AM7
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM3, AM8, AM7
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8 AM4, AM7
	KLTN0326T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM6, TLM11	AM10
PLO10: Có khả năng vận dụng các kỹ năng thúc đẩy sự tương tác, khích lệ và xử lý mâu thuẫn khi hỗ trợ và làm việc với các nhóm có nhu cầu;	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM8
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4/AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+AM8, AM4
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4, AM7
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM3, AM8, AM7
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM15	AM1, AM10
	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8 AM4, AM7
	KLTN0326T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM6, TLM11	AM10
PLO11: Có kỹ năng ứng xử và giao tiếp, làm	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
việc một cách nhuần nhuyễn	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM8
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4/AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+AM8, AM4

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4, AM7
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM3, AM8, AM7
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	KLTN0326T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM6, TLM11	AM10
PLO12: Có kỹ năng triển khai các hoạt động vận hành một cách linh hoạt việc cung cấp dịch vụ tâm lý trong các cơ sở trợ giúp cũng như các kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực TLH	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM8
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4/AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+AM8, AM4
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4, AM7
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM3, AM8, AM7
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM15	AM1, AM10

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8 AM4, AM7
	KLTN0326T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM6, TLM11	AM10
PLO13: Có trách nhiệm của một công dân với xã hội; Có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM2, TML4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4,AM8
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM 7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	NCHO0322L	Nhân chủng học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	GĐHO0322L	Gia đình học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4/AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+AM8, AM4
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
		Tham vấn và thực hành tham vấn	TM2, TLM5, TLM7, TLM9, TLM14, TM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5, AM6, AM8
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4, AM7
		Công tác xã hội với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4, AM7, AM5
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM3, AM8, AM7
	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15, TLM3	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8 AM4, AM7
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM6, TLM11	AM1, AM9, AM10
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4, AM7
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4, AM7
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7, AM8
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7, AM8
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM3+AM8, AM4, AM5
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM9
	TKXH1322H	Thống kê xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM3+AM8, AM4, AM5
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM9, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM9, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	ATL10621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8,	AM1, AM4
	ATL20621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8,	AM1, AM4
	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TML9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM9
	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM3+AM8, AM9
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM9
	BORl1421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM9
	BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM3+AM8, AM2, AM9
	CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM9
	COV11421T	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6, AM8
	COV21421T	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6, AM8
	COV31421T	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6 AM8
	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM3+AM8, AM5
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM3+AM8, AM5
	QSUC1421L	Quân sự chung	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TML8, TML10	AM1, AM3+AM8, AM4, AM5
	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM3+AM8, AM5
PLO14: Có thái độ đạo đức nghề nghiệp luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu. Luôn	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
tâm huyết trong công việc. Luôn tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp với thân chủ, với đồng nghiệp, và với ngành nghề mình phục vụ	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4/AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+AM8, AM4
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM7, AM9
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4, AM7
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM3, AM8, AM7
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8 AM4, AM7
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM6, TLM11	AM1, AM9, AM10
PLO15: Có ý thức tự học để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và Quốc tế.	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	TLM2, TML4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	TLM1,TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNSO0322H	Kỹ năng sống	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3, AM4, AM7, AM8
	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM 7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	NCHO0322L	Nhân chủng học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	GVPT0322H	Giới và phát triển	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	GĐHO0322L	Gia đình học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+ AM8, AM4, AM2
	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM5, AM8
	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4/AM5
	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4
	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM3+AM8, AM4
	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+ AM8, AM4, AM5
		Tham vấn và thực hành tham vấn	TM2, TLM5, TLM7, TLM9, TLM14, TM15	AM1, AM2, AM3, AM4/AM5, AM6, AM8
	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9
	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	TLM1, TLM6, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM7, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4, AM7
		Công tác xã hội với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7, AM5
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM3, AM8, AM7
	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15, TLM3	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3+AM8, AM4
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	TLM1, TLM14, TLM15	AM1, AM10
	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM1, AM3 +AM8, AM7
	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8 AM4, AM7
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TLM6, TLM7, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4 AM7, AM8
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM6, TLM11	AM1, AM9, AM10
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM8
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7, AM8
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM5, AM7,AM8
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4, AM7
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM3 +AM8, AM4, AM5
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM9
	TKXH1322H	Thống kê xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4
	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	TLM2, TLM7, TLM9, TLM10	AM1, AM3 +AM8, AM4, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM4
	LOGI0722L	Logic học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4
	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM9, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM9, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	ATL10621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8,	AM1, AM4
	ATL20621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8,	AM1, AM4
	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	TLM1, TLM4, TLM7, TLM8, TML9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM9
	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM3 +AM8, AM9
	BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM9
	BORl1421T	Bóng rổ 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM9
	CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3,AM8
	CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM5, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8, AM9
	COV11421T	Cờ vua 1	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6, AM8
	COV21421T	Cờ vua 2	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6, AM8
	COV31421T	Cờ vua 3	TLM1, TLM2, TLM4, TML7, TML8, TLM9, TML10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM6,AM8
	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5, AM3 +AM8,
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM5, AM3 +AM8,
	QSUC1421L	Quân sự chung	TLM1, TLM2, TLM6, TLM7, TML8, TML10	AM1, AM3 +AM8, AM4, AM5
	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM3 +AM8, AM5
PLO 16: Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 400 điểm hoặc tương	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1, TLM9, TLM8, TLM10	AM1, AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1, TLM9, TLM8, TLM10	AM1, AM5

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
tương phục vụ cho công việc học tập và rèn luyện.	ATL10621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8,	AM1, AM4
	ATL20621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8,	AM1, AM4
PLO17: Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết phục vụ công việc chuyên môn.	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3 +AM8, AM9
	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM6, TLM11	AM1, AM9, AM10

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		**Số tín chỉ**	**Tỷ lệ %**
1.1	**Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành**	**26**	**21.5**
1.2	**Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi**	**26**	**21.5**
1.3	**Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ**	**34**	**28.0**
1.4	**Kiến thức nền tảng rộng**	**20**	**16.5**
1.4.1	Khoa học tự nhiên	3	2.4
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9.1
1.4.3	Pháp luật	2	1.7
1.4.4	Tin học	4	3.3
1.5	**Kiến thức khác ngành**	**6**	**5.0**
1.6	**Kiến thức đại cương khác**	**9**	**7.5**
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	9	7.5
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
	Tổng cộng:	**121**	**100%**

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

2.2.1. Khối kiến thức cơ bản, nền tảng ngành (26 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Hệ thống các kiến thức tổng quát về tâm lý học, xã hội học, công tác xã hội

- Hệ thống các kiến thức cơ bản về đại cương văn hóa việt Nam, giới và phát triển, các kiến thức luật pháp.
- Hệ thống kiến thức, vai trò, nguyên tắc cơ bản trong an sinh xã hội, trợ giúp xã hội, ưu đãi xã hội, chính sách xã hội,.

2.2.2. Khối kiến thức cơ sở ngành cốt lõi (26 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Kiến thức nền tảng và hiện đại về tâm lý học, lịch sử tâm lý học
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về tâm lý của các lĩnh vực, ngành nghề
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về tâm lý học với các nhóm đối tượng

2.2.3. Khối kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ (34 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Kiến thức chuyên sâu và công cụ: Tham vấn và thực hành tham vấn, Thực hành tâm lý lao động, Thực hành tâm lý xã hội, Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ.
- Kiến thức chuyên sâu về tâm lý học : Tâm lý học với các nhóm đối tượng như: trẻ em, người cao tuổi, người mắc các rối loạn tâm lý, Tâm lý lứa tuổi, tâm lý dân tộc; Tâm bệnh học đại cương; Tâm lý học lao động; Tâm lý học nhóm nhỏ
- Kiến thức chuyên sâu về tâm lý học trong các lĩnh vực ngành nghề: Tâm lý học lao động, tâm lý học kinh doanh, tâm lý học học đường, tâm lý học lâm sàng, tâm lý học gia đình
- Ứng dụng các kiến thức vào học phận thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên.

2.2.4. Kiến thức nền tảng rộng (20 tín chỉ):

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Tư duy toán học, có thể vận dụng các mô hình toán học thông dụng của xác suất – thống kê, toán cao cấp để đo lường, đánh giá, phân tích các đại lượng kinh tế.
- Kiến thức hệ thống triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể vận dụng các nguyên lý cơ bản, tư tưởng và đướng lối để giải thích các hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội, các vấn đề xã hội đang diễn ra.
- Chính sách, pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực xã hội nói chung và trong lĩnh vực công tác xã hội nói riêng.

- Các công cụ xử lý, lưu trữ thông tin thông dụng trên máy tính, các ứng dụng tin học văn phòng để giải quyết công việc hàng ngày.
- Kiến thức để hình thành và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp: Soạn thảo văn bản, thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm, lập kế hoạch, phát hiện và giải quyết vấn đề.

2.2.5. Kiến thức ngành gần, khác ngành (6 tín chỉ)

- Nắm vững kiến thức về tâm lý học để làm nền tảng cho việc ứng dụng vào hoạt động xã hội.

2.2.6. Kiến thức đại cương khác (9 tín chỉ):

- Kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ.
- Kiến thức khoa học cơ bản trong thể dục thể thao và quá trình tự rèn luyện phát triển thể chất.
- Nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.

Bảng 2.2.Ma trận liên hệ giữa các khối kiến thức và Chuẩn đầu ra (PLOs)

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Chuẩn đầu ra (PLOs)																
		SL	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	21.5	21.5		H		M							M			M		M	
2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	21.5	21.5			M	M	L	L	M	M	M	M				M		M	L
3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	28.0	28.0	M	M		H	H	H	H	M	H		H	M	M	H		H	H
4	Kiến thức nền tảng rộng	16.5	16.5	H	H		H	M	M						H	H	H	M	H	M
5	Kiến thức khác ngành	6	5.0		M				H	M	M									
6	Kiến thức đại cương khác	9	7.5			H						M	H	M	M	H		M		

Chú thích: H - Cao, M - Trung bình, L - Thấp

2.3. Danh sách các học phần

Bảng 2.3 Danh sách các học phần

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ (Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				**26**						
1.1.1	**Các học phần bắt buộc**			***22***						
1.1.1.1	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General Psychology	2	2					
1.1.1.2	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	General sociology	2	2					
1.1.1.3	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	Word civilization history	2	2					
1.1.1.4	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	Statistics Theory	2	2					

1.1.1.5	KNSO0322H	Kỹ năng sống	Life skills	2	2				TLĐC0322L	
1.1.1.6	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	Communication skills	2	2					
1.1.1.7	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	Research Methods in psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.1.1.8	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	Specialized sociology	3	3				XHĐC0322L	
1.1.1.9	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	General aesthetics	2	2				TLĐC0322L	
1.1.1.10	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	Social psychology	2	2				TLĐC0322L	
1.1.2	**Các học phần tự chọn (chọn 2/4)**			***4***						
1.1.2.1	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	Social health care	2	2					
1.1.2.2	NCHO0322L	Nhân chủng học	Anthropology	2	2					
1.1.2.3	GVPT0322H	Giới và phát triển	Gender and Development	2	2				XHĐC0322L	
1.1.2.4	GĐHO0322L	Gia đình học	Family Studies	2	2				XHĐC0322L	
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				**26**						

1.2.1	**Các học phần bắt buộc**			***26***						
1.2.1.1	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	History of Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.2	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	Neurophysiology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.3	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	Developmental Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.4	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	Human behavior and social environment	3	3					
1.2.1.5	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	General Pathology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.6	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	Ethnic Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.7	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	Clinical Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.8	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	Labor Psychology	2	2					
1.2.1.9	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	Group Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				**34**						

1.3.1	**Các học phần bắt buộc**			***12***						
1.3.1.1	TVCB0322H	Tham vấn và thực hành tham vấn	Couseling, Theory and Practice	3	3					
1.3.1.2	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	Labor Psychology Practice	3	3				TLĐC0322L TLLĐ0322H	
1.3.1.3	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	Group Psychology Practice	3	3				TLNN0322H	
1.3.1.4	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	Social Psychology Practice	3	3				XHĐC0322L TLXH0322L TLPT0323H	
1.3.2	**Học phần tự chọn (chọn 4/8)**			***12***						
1.3.2.1	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	Women" Psychology	*3*	*3*				TLĐC0322L	
1.3.2.2	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	Psychology of the Elderly	*3*	*3*				TLĐC0322L	
1.3.2.3		Công tác xã hội với người nghiện ma túy	Social work with drug user	*3*	*3*					
1.3.2.4	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	Management Psychology	*3*	*3*				TLXH0322L	

1.3.2.5	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	Counseling in mental health care	*3*	*3*				TVCB0323H	
1.3.2.6	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	Child and Adolescent Pathology	*3*	*3*				TLĐC0322L TBĐC0323H	
1.3.2.7	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	Social work with the disabled	*3*	*3*					
1.3.2.8	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	Social work with people infected and affected by HIV / AIDS	3	3					
1.3.3	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	***4***				4		
1.3.4	**Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)**			***6***						
1.3.4.1	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	Family Psychology	3	3				TLĐC0322L	TLHĐ0323H TVTE0323H TVPN0323H
1.3.4.2	TLHĐ0323H	Tâm lý học học	School	3	3				TLLS0323H	TLGĐ0323H

		đường	Psychology							TVTE0323H TVPN0323H
1.3.4.3	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	Courseling for abused Children	3	3				TVCB0323H	TVTE0323H TVPN0323H TLHĐ0323H
1.3.4.4	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	Courseling for women domestic Violence	3	3				TVCB0323H	TVTE0323H TLGĐ0323H TLHĐ0323H
1.3.4.5	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	6			6			
1.4. Kiến thức nền tảng rộng				**20**						
1.4.1. Khoa học tự nhiên				***3***						
1.4.1.1	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	Probability and Statistics	3	3					
1.4.2. Khoa học chính trị				***11***						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist Leninist Philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist Leninist Political Economics	2	2					

1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2					
1.4.3. Pháp luật				***2***						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
1.4.4. Tin học				***4***						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2					
1.5. Kiến thức khác ngành				**6**						
1.5.1	**Học phần tự chọn (chọn 1/3)**			***2***						
1.5.1.2	TKXH1322H	Thống kê xã hội	Social statistics	2	2					
1.5.1.3	PLXH1022H	Pháp luật về các	Law of social	2	2					

		vấn đề xã hội	issues							
1.5.1.4	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	Introduction to Social Work	2	2					
1.5.2. Các học phần tự chọn (chọn 2/4)				**4**						
1.5.2.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	Advanced mathematics 1	2						
1.5.2.2	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text editor	2						
1.5.2.3	LOGI0722L	Logic học	Logic	2						
1.5.2.4	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	Scientific research methodology	2						
1.6 Kiến thức đại cương khác				**9**						
1.6.1 Ngoại ngữ				***9***						
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3				TAC10622H	
1.6.1.3	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1	English for psychology 1	2	2					
1.6.1.3	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2	English for psychology 2	2	2					
1.6.2. Giáo dục thể chất (chọn 3/10)										

1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	Exercise- Athletics	1		1				
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	Volleyball 1	1		1				
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volleyball 2	1		1				
1.6.2.4	BORl1421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1		1				
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1		1				
1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1	Bedminton 1	1		1				
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	Bedminton 2	1		1				
1.6.2.4	COV11421T	Cờ vua 1	Chess 1	1		1				
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	Chess 2	1		1				
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	Chess 3	1		1				
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)										
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	Line of Denfense and Security	3	3					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	Denfense and Security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	General Military	1	1					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu	Infantry fighting	2	2					

		bộ binh và chiến thuật	techniques and tactics							
Tổng cộng				**121**						

2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chươug trình đào tạo

Bảng 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ghi chú: I - Introduce, T - Teach, u - Utilize

STT	Mã học phần	Tên học phần	PLOS																
			Kiến thức						Kỹ năng						Tự chủ tự chịu trách nhiệm			Tin học và ngoại ngữ	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1.1	**Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành**																		
1.1.1	**Các học phần bắt buộc**																		
1.1.1.1	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương						**IT**	**U**					**U**					
1.1.1.2	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương						**IT**	**U**					**U**					
1.1.1.3	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới				**IT**	**IT**		**U**						**U**				
1.1.1.4	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam							**U**		**IT**				**U**				
1.1.1.5	KNSO0322H	Kỹ năng sống		**IT**		**IT**					**U**				**U**	**U**			
1.1.1.6	KNGT0322H	Kỹ năng		**IT**		**IT**					**U**				**U**	**U**			

		giao tiếp																	
1.1.1.7	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học		**IT**		**IT**				**U**					**U**	**U**			
1.1.1.8	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	**IT**		**IT**				**U**				**U**	**U**					
1.1.1.9	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	**IT**		**IT**				**U**										
1.1.1.10	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	**IT**		**IT**				**U**				**U**		**IT**				
1.1.2	**Các học phần tự chọn**																		
1.1.2.3	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng				**IT**			**U**				**U**		**U**				
1.1.2.4	NCHO0322L	Nhân chủng học				**IT**			**U**				**U**		**U**				
1.1.2.5	GVPT0322H	Giới và phát triển	**IT**				**U**	**U**	**U**				**U**		**IT**				
1.1.2.6	GĐHO0322L	Gia đình học	**IT**				**IT**		**U**						**IT**				
1.2	**Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi**			**IT**				**IT**											
1.2.1.	**Các học phần bắt buộc**			**IT**		**IT**				**U**									
1.2.1.1	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	**IT**		**IT**				**U**				**U**		**IT**				

1.2.1.2	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh		**IT**		**IT**					**U**			**U**					
1.2.1.3	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	**IT**		**IT**				**U**				**U**		**IT**				
1.2.1.4	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội		**IT**		**IT**					**U**			**U**					
1.2.1.5	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	**IT**				**U**	**U**	**U**				**U**		**IT**				
1.2.1.6	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	**IT**				**U**	**U**	**U**				**U**		**IT**				
1.2.1.8	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	**IT**				**IT**								**IT**				
1.2.1.9	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	**IT**		**IT**				**U**						**IT**				
1.2.1.10	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ																	
1.3	**Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ**																		
1.3.1	**Các học phần bắt buộc**																		
1.3.1.1		Tham vấn và thực hành tham vấn		**IT**		**IT**					**U**			**U**					
1.3.1.2	THLĐ0323T	Thực hành				**IU**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**			

		tâm lý học lao động																	
1.3.1.3	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ				**IU**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**			
1.3.1.4	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội				**IU**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**			
1.3.2	**Học phần tự chọn (chọn 4/8)**																		
1.3.2.1	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ		**IT**		**IT**					**U**			**U**					
1.3.2.2	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi		**IT**		**IT**					**U**			**U**					
1.3.2.3		Công tác xã hội với người nghiện ma túy		**IT**		**IT**	**TU**		**U**		**U**		**U**		**U**	**U**			
1.3.2.4	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý		**IT**		**IT**	**IU**	**TU**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**			
1.3.2.5	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần				**IT**	**IU**	**TU**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**			
1.3.2.6	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên			**IT**		**IU**	**U**	**U**		**IT**		**U**	**U**	**U**	**U**			
1.3.2.7	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật		**IT**		**IT**	**TU**		**U**		**U**		**U**		**U**	**U**			

1.3.2.8	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS		**IT**		**IT**	**TU**		**U**		**U**		**U**		**U**	**U**			
1.3.1.13	KLTL0326T	**Thực tập cuối khóa**				**U**		**U**	**U**				**U**	**U**					
1.3.1.14	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình				**IT**		**IT**	**U**					**U**	**U**				
1.3.1.15	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường				**IT**	**IT**		**U**	**U**				**U**	**U**				
1.3.1.16	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng				**IT**	**IU**	**TU**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**			
1.3.1.17	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình				**IT**	**IU**	**TU**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**			
1.3.1.18	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp				**IT**		**TU**	**U**					**U**	**U**	**U**	**U**	**U**	**U**
1.4	**Kiến thức nền tảng rộng**																		
1.4.1	**Khoa học tự nhiên**																		
1.4.1.1	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán				**IT**		**IT**	**U**				**U**	**U**					
1.4.2	**Khoa học chính trị**																		
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	**TU**			**IU**			**TU**						**U**	**U**			
1.4.2.1	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	**TU**			**IU**			**TU**						**U**	**U**			

1.4.2.1	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	**TU**			**IU**			**TU**						**U**	**U**			
1.4.2.1	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	**TU**			**IU**			**TU**						**U**	**U**			
1.4.2.1	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	**TU**			**IU**			**TU**						**U**	**U**			
1.4.3	**Pháp luật**																		
1.4.3.1.	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương		**IT**		**IT**				**U**					**U**	**U**			
1.4.4	**Tin học**																		
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1		**TU**						**U**			**U**			**U**	**U**	**U**	
1.4.4.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2		**TU**						**U**			**U**			**U**	**U**	**U**	
1.5	**Kiến thức khác ngành**																		
1.5.1	**Học phần tự chọn (chọn 1/3)**																		
1.5.1.1	TKXH1322H	Thống kê xã hội	**TU**												**U**				
1.5.1.2	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	**TU**	**TU**	**TU**	**TU**									**U**	**U**			
1.5.1.3	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội		**TU**		**TU**				**U**			**U**	**U**	**U**	**U**			
1.5.2.	**Các học phần tự chọn (chọn 2/4)**																		

1.5.2.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	**TU**												**U**				
1.5.2.2	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	**T U**	**T**	**T**													**U**	
1.5.2.3	LOGI0722L	Logic học	**TU**			**IU**			**TU**						**U**	**U**			
1.5.2.4	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	**TU**			**IU**			**TU**						**U**	**U**			
1.6	**Kiến thức đại cương khác**																		
1.6.1	**Ngoại ngữ**																		
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1				**TU**		**TU**				**TU**		**U**					**U**
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2				**TU**		**TU**				**TU**		**U**					**U**
1.6.1.3	ATL10621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1				**TU**		**TU**				**U**		**U**					**U**
1.6.1.4	ATL20621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2				**TU**		**TU**				**TU**		**U**					**U**
1.6.2.	**Giáo dục thể chất (chọn 3/10)**																		
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền	Exercise - Athletic	1		1													

		kinh	s																
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	Volleyball 1	1		1													
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volleyball 2	1		1													
1.6.2.4	BORl1421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1		1													
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1		1													
1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1	Bedminton 1	1		1													
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	Bedminton 2	1		1													
1.6.2.4	COV11421T	Cờ vua 1	Chess 1	1		1													
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	Chess 2	1		1													
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	Chess 3	1		1													
1.6.3.	**Giáo dục quốc phòng** (165 tiết)																		

1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	Line of Denfense and Security	3	3													
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	Denfense and Security	2	2													
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	General Military	1	1													
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry fighting techniques and tactics	2	2													
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	Line of Denfense and Security	3	3													

2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

I. Dạy học trực tiếp

TLM1 - Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)

TLM2 - Thuyết giảng (Lecture)

TLM3 - Tham luận (Guest Lecture)

TLM4 - Câu hỏi gợi mở (Inquiry)

II Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm

TLM5 - Trò 'chơi (Game)

TLM6 - Thực tập, thực tể (Field Trip)

TLM7 - Thào luận (Discussion)

III Dạy kỹ năng tư duy

TLM8- Giải quyết vấn đề(Problem Solving)

TLM9 - Học theo tinh huống (Case Study)

IV - Dạy học tương tác

TLM10 - I-Iọc nhóm (Teamwork Learning)

V - Dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy

TLM11- Nghiên cứu độc lập

TLM12 –Dự án nghiên cứu (Research Project)

TLM13- Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

VI - Dạy học trực tuyến

TLM14 - Học trực tuyến

VII - Tự học

TLM15 – Giao nhiệm vụ, giao bài tập ở nhà (Work Assignment)

Bảng 2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

	Mã học phần	Tên học phần	I				II			III		IV	V			VI	VII
			TLM1	TLM2	TLM3	TLM4	TLM5	TLM6	TLM7	TLM8	TLM9	TLM10	TLM11	TLM12	TLM13	TLM14	TLM15
1.1	**Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành**																
1.1.1	**Các học phần bắt buộc**																
1.1.1.1	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	X	X		X			X								X
1.1.1.2	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương		x		x			x								x
1.1.1.3	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	X	X		X			x			X					x
1.1.1.4	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam		X		X			x		X						x
1.1.1.5	KNSO0322H	Kỹ năng sống	X	X		X			X								X
1.1.1.6	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	X	X		X			X								X

1.1.1.7	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.1.1.8	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	**x**	**x**		**x**			**x**								**x**
1.1.1.9	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.1.1.10	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.1.2.	**Các học phần tự chọn**																
1.1.2.1	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	**x**	**x**		**x**			**x**								**x**
1.1.2.2	NCHO0322L	Nhân chủng học	**x**	**x**	**X**	**x**	**X**	**X**	**x**								**x**
1.1.2.3	GVPT0322H	Giới và phát triển	**x**	**x**		**x**			**x**		**X**						**x**
1.1.2.4	GĐHO0322L	Gia đình học	**x**	**x**		**x**			**x**								**x**
1.2.	**Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi**																
1.2.1.	**Các học phần bắt buộc**																
1.2.1.1	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.2.1.2	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.2.1.3	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**

1.2.1.4	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	**x**	**x**		**x**			**x**								**x**
1.2.1.5	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.2.1.6	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.2.1.7	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.2.1.8	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.2.1.9	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.3.	**Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ**																
1.3.1	**Các học phần bắt buộc**																
1.3.1.1		Tham vấn và thực hành tham vấn	**x**	**X**		**x**	**X**	**x**	**x**								**X**
1.3.1.2	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	**X**					**X**	**X**								**X**
1.3.1.3	TLNN0322H	Thực hành tâm lý	**X**					**X**	**X**								**X**

		học nhóm nhỏ															
1.3.1.4	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	**X**					**X**	**X**								**X**
1.3.2.	**Các học phần thay thế**																
1.3.2.1	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.3.2.2	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.3.2.3		Công tác xã hội với người nghiện ma túy	**x**	**x**		**x**			**x**								**x**
1.3.2.4	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.3.2.5	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	**x**	**x**	**X**	**x**	**X**	**X**	**x**								**x**
1.3.2.6	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.3.2.7	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	**x**	**x**		**x**			**x**								**x**

1.3.2.8	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	**x**	**x**		**x**			**x**								**x**
1.3.2.9	TTTL0324T	Thực tập cuối khóa	**X**														**X**
1.3.3.	**Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp. (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)**																
1.3.3.1	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.3.3.2.	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường	**X**	**X**		**X**			**X**								**X**
1.3.3.3	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	**x**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**								**X**
1.3.3.4.	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**								**X**
1.3.3.5.	KLTN0326T	Khóa luận tốt nghiệp						**x**					**x**				
1.4	**Kiến thức nền tảng rộng**																

1.4.1	**Khoa học tự nhiên**																
1.4.1.1	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	**X**	**X**		**X**			**X**	**x**		**X**					**X**
1.4.1	**Khoa học chính trị**																
1.4.1.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	**X**	**X**		**X**			**X**	**x**		**X**					**X**
1.4.1.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	**X**	**X**		**X**			**X**	**x**		**X**					**X**
1.4.1.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	**X**	**X**		**X**			**X**	**x**		**X**					**X**
1.4.1.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	**X**	**X**		**X**			**X**	**x**		**X**					**X**
1.4.1.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	**X**	**X**		**X**			**X**	**x**		**X**					**X**
1.4.2.	**Pháp luật**																
1.4.2.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương		**X**					**X**		**X**						
1.4.3	**Tin học**																
1.4.3.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	**X**	**X**		**X**			**X**			**X**					**X**
1.4.3.2.	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	**X**	**X**		**X**			**X**			**X**					**X**
1.5.	**Kiến thức khác ngành**																

1.5.1	**Học phần tự chọn (chọn 1/3)**																
1.5.1.1	TKXH1322H	Thống kê xã hội	X	X		X				x							x
1.5.1.2	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội		X							x	x					
1.5.1.3	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	X	X		x			x		X						x
1.5.2	**Các học phần tự chọn (chọn 2/4 học phần)**																
1.5.2.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	X	x		X			X	x		X					X
1.5.2.2	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	X	x		X			X	x	x	X					X
1.5.2.3	LOGI0722L	Logic học	x	X		x											x
1.5.2.4	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	x	X		X			X			x		x			x
1.6	**Kiến thức đại cương khác**																
1.6.1	**Ngoại ngữ**																
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	X							X	x	x					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	X							X	x	x					
1.6.1.3	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1	X	X		X						X					

1.6.1.4	ATL20622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2	**X**	**X**		**X**						**X**					
1.6.2	**Giáo dục thể chất (3 TC - Chọn 3/10 HP)**																
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	X			X			X	X	X	X					**X**
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	X	X		X	X		X	X	X	X					X
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	X	X		X	X		X	X	X	X					X
1.6.2.4	BORl1421T	Bóng rổ 1	X	X		X	X		X	X	X	X					X
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	X	X		X	X		X	X	X	X					X
1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1	X	X		X	X		X	X	X	X					X
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	X	X		X	X		X	X	X	X					X
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1	X	X		X			X	X	X	X					X
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	X	X		X			X	X	X	X					X
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	X	X		X			X	X	X	X					X
1.6.3.	**Giáo dục quốc phòng** (165 tiết)																
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	X	X		X			X								
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc		X		X			X								

		phòng an ninh	X														
1.6.3.3	QSCS1423L	Quân sự chung	X	X				X	X	X		X					
1.6.3.4	KCT.BB1421H	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	X	X				X			X	X					

2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Ghi chú:

I. Đánh giá theo tiến trình (On-going / Formative Assessment)

AMI Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

AM2 Đánh giá bài tập (Work AssignmAMenl)

AM3 Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

II. Đánh giá tổng kết /định kỳ (Sunimative Assessment)

AM4 Kiểm tra viết (Written Exam)

AM5 Kiểm (tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)

AM6 Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

AM7 Viết báo cáo (Written Report)

AM3 Thuyết trinh (Oral Presentation)

AM8 Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

AM9 Thực hành (Practice)

AM10 Báo cáo thực tập/ khóa luận/ chuyên đề tốt nghiệp (Graduation Report/ Thesis)

Bảng 2.6. Bảng ma trận phương pháp đánh giá các học phần đáp ứng chuẩn đầu ra

TT	Mã học phần	Tên học phần	I			II							
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM3	AM8	AM9	AM10
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành													
1.1.1	**Các học phần bắt buộc**												
1.1.1.1	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	X	X	X	X	X			X	X		
1.1.1.2	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	X	X	X	X				X			
1.1.1.3	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	X	X	X	X				X	X		
1.1.1.4	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	X	X	X	X	X			X	X		
1.1.1.5	KNSO0322H	Kỹ năng sống	X	X	X	X	X			X	X		
1.1.1.6	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	X	X	X	X			X	X	X		
1.1.1.7	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	X	X	X	X				X	X		
1.1.1.8	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	X	X	X	X			X	X	X		

1.1.1.9	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	X	X	X	X				X	X		
1.1.1.10	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	X	X	X	X	x			X	X		
1.1.2.	**Các học phần tự chọn**												
1.1.2.1	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	X	X	X	X				X	X		
1.1.2.2	NCHO0322L	Nhân chủng học	X	X	X	X				X	X		
1.1.2.3	GVPT0322H	Giới và phát triển	X	X	X	X				X	X		
1.1.2.4	GĐHO0322L	Gia đình học	X	X	X	X				X	X		
1.2	**Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi**												
1.2.1	**Các học phần bắt buộc**												
1.2.1.1	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	X	X	X	X				X	X		
1.2.1..2	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	X	X	X	X				X	X		
1.2.1.3	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	X	X	X	X				X	X		
1.2.1.4	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	X	X	X	X	x			X	X		
1.2.1.5	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	X	X	X	X				X	X		
1.2.1.6	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	X	X	X	X				X	X		
1.2.1.7	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	X		X	X				X	X		

1.2.1.8	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	X	X	X	X	X			X	X		
1.2.1.9	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	X	X	X	X				X	X		
1.3. Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ													
1.3.1	**Các học phần bắt buộc**												
1.3.1.1		Tham vấn và thực hành tham vấn	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
1.3.1.2	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	X	X					X		X	X	
1.3.1.3	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	X	X					X		X		
1.3.1.4	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	X	X					X		X		
1.3.2.	**Các học phần thay thế và thực tập cuối khóa**												
1.3.2.1	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	X	X	X	X			X	X	X		
1.3.2.2	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	X	X	X	X			X	X	X		
1.3.2.3		Công tác xã hội với người nghiện ma túy	X	X	X	X			X	X	X		
1.3.2.4	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	X	X	X	X			X	X	X		
1.3.2.5	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	X	X	X	X			X	X	X	X	

1.3.2.6	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	X	X	X				X	X	X		
1.3.2.7	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	X	X	X	X				X	X		
1.3.2.8	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	X	X	X	X			X	X	X		
1.3.2.9	**TTTL0324T**	**Thực tập cuối khóa**	X										X
1.3.3.	**Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp. (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)**												
1.3.3.1	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	X	X	X				X	X	X		
1.3.3.2.	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường	X	X	X	X			X	X	X		
1.3.3.3	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	X	X	X	X			X	X	X		
1.3.3.4.	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	X	X	X	X			X	X	X		
1.3.3.5.	KLTN0326T	Khóa luận tốt nghiệp	X										X
1.4. Kiến thức nền tảng rộng													
1.4.1. Khoa học tự nhiên													

1.4.1.1	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	X	X		X					X		
1.4.2 Khoa học chính trị													
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	**X**	**X**		**X**			X		**X**		
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	**X**	**X**		**X**			X		**X**		
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	**X**	**X**	**X**		x		x	**X**	**X**		
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	**X**	**X**	**X**		x		X	**X**	**X**		
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa hoc	**X**	**X**		**X**			X		**X**		
1.4.3	**Pháp luật**												
1.4.3.1.	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	**X**			**X**	X						
1.4.4	**Tin học**												
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	**X**	**X**								**X**	
1.4.4.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	**X**	**X**								**X**	
1.5. Kiến thức khác ngành													
1.5.1. Học phần tự chọn (chọn 1/3)													
1.5.1.1	TKXH1322H	Thống kê xã hội	**X**	**X**		**X**							

1.5.1.2	PLXH1022H	Pháp luật các vấn đề xã hội	X			X	X						
1.5.1.3	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	X	X	X	X				X	X		
1.5.2. Các học phần tự chọn (chọn 2/4)													
1.5.2.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	X	X		X							
1.5.2.2	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	X	X		X							
1.5.2.3	LOGI0722L	Logic học	**X**	**X**		**X**							
1.5.2.4	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	X	X		X			X				
1.6. Kiến thức đại cương khác													
1.6.1	**Ngoại ngữ**												
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	**X**				**X**						
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	**X**				**X**						
1.6.1.3	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1	**X**			**X**							
1.6.1.4	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2	**X**			**X**							
1.6.2.	**Giáo dục thể chất (Chọn 3/10)**												

1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	X	X	X					X		X	
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	X									X	
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	X	X								X	
1.6.2.4	BORl1421T	Bóng rổ 1	X	X								X	
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	X	X								X	
1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1	X	X	X					X			
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	X	X	X					X		X	
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1	X	X	X			X		X			
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	X	X	X			X		X			
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	X	X	X			X		X			
1.6.3.	**Giáo dục quốc phòng**												
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng	X				X						
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng an ninh	X				X						
1.6.3.3	QSCS1423L	Quân sự chung	X				X						
1.6.3.4	KCT.BB 1421H	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	X									X	

2.7. Tiến trình giảng dạy

Bảng 2.7 Sơ đồ tiến trình đào tạo

<table>
<tr><th colspan="14">SƠ ĐỒ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÂM LÝ HỌC 2019- 2021</th></tr>
<tr><td>Học kỳ I</td><td>Tư tưởng HCM (2 TC)</td><td>Tiếng Anh cơ bản 1 (2TC)</td><td>Tin học cơ bản 1(2TC</td><td>Pháp luật đại cương (2 TC)</td><td>Tâm lý học đại cương (2TC)</td><td>Đại cương VH VN (2TC)</td><td colspan="5">Xã hội học Đại cương (2TC)</td><td colspan="2">Giáo dục thể chất (2 TC) và giáo dục quốc phòng an ninh (4TC)</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Học kỳ II</td><td colspan="2" rowspan="2">Triết học Mác-Lênin(3TC)</td><td rowspan="2">Lịch sử Đảng CSVN (2TC)</td><td rowspan="2">Tin học cơ bản 2 (2TC)</td><td rowspan="2">Tiếng Anh cơ bản 2 (3TC)</td><td rowspan="2">Giáo dục quốc phòng an ninh (4TC)</td><td>Soạn thảo văn bản (2TC)</td><td colspan="3">Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (2TC)</td><td>Logic học (2TC)</td><td colspan="2">Toán cao cấp 1 (2TC)</td></tr>
<tr><td colspan="6">Học phần tự chọn : Chọn 2/4 (4TC)</td></tr>
<tr><td colspan="6" rowspan="2"></td><td colspan="3">Thống kê xã hội (2TC)</td><td colspan="3">Pháp luật về các vấn đề xã hội (2TC)</td><td colspan="2">Nhập môn công tác xã hội (2TC)</td></tr>
<tr><td colspan="8">Học phần tự chọn : Chọn 1/3 (2TC)</td></tr>
<tr><td>Học kỳ III</td><td colspan="2">Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2TC)</td><td colspan="2">Lịch sử văn minh thế giới (2TC)</td><td>Mĩ học đại cương (2TC)</td><td>Sinh lý thần kinh(3TC)</td><td colspan="3">Lý thuyết xác xuất và thống kế toán (3TC)</td><td colspan="2">Giới và phát triển (2TC)</td><td colspan="2">Gia đình học (2TC)</td></tr>
<tr><td colspan="8">Học phần bắt buộc</td><td colspan="6">Học phần tự chọn: chọn 1/2 (2 TC)</td></tr>
</table>

Học kỳ IV	Lịch sử tâm lý học (3TC)	Tâm lý học xã hôi (2TC)	Phương pháp ngiên cứu TLH (3TC)	Xã hội học chuyên biệt	Tâm bệnh học đại cương	Nhân chủng học (2TC)	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng (2TC)
						Học phần tự chọn: Chọn 1/2 (2TC)	

Học kỳ V	Tâm lý học phát triển (3TC)	Tâm lý học lao động (2TC)	Tâm lý học nhóm nhỏ (3TC)	Tiếng anh chuyên ngành TL01 (2TC)	Hành vi con người và MTXH (3TC)	Thực hành TLHXH (3TC)	Tâm lý học dân tộc (3TC)
Học kỳ VI	Tham vấn và thực hành tham vấn cơ bản (3TC)	Kỹ năng giao tiếp (2TC)	Thực hành tâm lý học lao động (3TC)	Kỹ năng sống (2TC)	Thực hành TLH nhóm nhỏ (3TC)	Tiếng anh chuyên ngành Tâm lý học 2	

Học kỳ VII	Tâm lý học lâm sàng (3TC)	Chủ nghĩa Xã hội khoa học (2TC)	Tâm lý học phụ nữ (3TC)	Tâm lý học người cao tuổi (3TC)	Công tác xã hội với người nghiện ma túy (3TC)	Tâm lý học quản lý (3TC)	
			Học phần tự chọn : Chọn 2/4 (6TC)				
			Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần (3TC)	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên (3TC)	Công tác xã hội với người khuyết tật (3TC)	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS (3TC)	
			Học phần tự chọn : Chọn 2/ 4 (6TC)				
Học kỳ VIII	**Thực tập**	**Khóa luận**	**Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp**				

	cuối khóa (4TC)	**tốt nghiệp (6TC)**	Tâm lý học gia đình (3TC)	Tâm lý học học đường (3TC)	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng (3TC)	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình (3TC)
			Học phần tự chọn : Chọn 2/4 HP (6TC)			

SƠ ĐỒ KẾ HOẠCH TỔ CHỨC GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN NGÀNH TÂM LÝ HỌC

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
1.1. Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành			**26**								
1.1.1	**Các học phần bắt buộc**		**22**								
1.1.1.1	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2	2							
1.1.1.2	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	2	2							
1.1.1.3	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	2			2					
1.1.1.4	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	2							
1.1.1.5	KNSO0322H	Kỹ năng sống	2				2				
1.1.1.6	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	2					2			
1.1.1.7	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	3				3				
1.1.1.8	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	3				3				
1.1.1.9	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	2			2					
1.1.1.10	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	2				2				
1.1.2	**Các học phần tự chọn**		4								

1.1.2.3	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2				2				
1.1.2.4	NCHO0322L	Nhân chủng học	2				2				
1.1.2.5	GVPT0322H	Giới và phát triển	2		2						
1.1.2.6	GĐHO0322L	Gia đình học	2		2						
1.2	**Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi**		**26**								
1.2.1.	**Các học phần bắt buộc**		**26**								
1.2.1.1	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	3				3				
1.2.1.2	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	3			3					
1.2.1.3	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	3					3			
1.2.1.4	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	3					3			
1.2.1.5	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	3				3				
1.2.1.6	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	3					3			
1.2.1.7	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	3							3	
1.2.1.8	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	2					2			
1.2.1.9	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	3					3			

1.3	**Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ**		34								
1.3.1	**Các học phần bắt buộc**		12								
1.3.1.1		Tham vấn và thực hành tham vấn	3						3		
1.3.1.2	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	3						3		
1.3.1.3	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	3						3		
1.3.1.4	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	3						3		
1.3.2	**Học phần tự chọn (chọn 4/8)**		12								
1.3.2.1	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	3								
1.3.2.2	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	3							3	
1.3.2.3		Công tác xã hội với người nghiện ma túy	3							3	
1.3.2.4	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	3								
1.3.2.5	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	3							3	
1.3.2.6	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	3							3	

1.3.2.7	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	3								
1.3.2.8	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	3								
1.3.3	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	4								4
1.3.4	**Học phần thay thế hoặc khóa luận tốt nghiệp**		**6**								
1.3.4.1.	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	3							3	
1.3.4.2.	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường	3							3	
1.3.4.3	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	3							3	
1.3.4.4	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	3							3	
1.3.4.5	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
1.4	**Kiến thức nền tảng rộng**		**20**								
1.4.1	**Khoa học tự nhiên**		**3**								
1.4.1.1	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	3			3					
1.4.2	**Khoa học chính trị**		**11**								
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	3		3						
1.4.2.1	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			2					

1.4.2.1	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	2							
1.4.2.1	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		2						
1.4.2.1	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2							2	
1.4.3	**Pháp luật**		**2**								
1.4.3.1.	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2	2							
1.4.4	**Tin học**		**4**								
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2	2							
1.4.4.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	2		2						
1.5	**Kiến thức khác ngành**		**6**								
1.5.1	**Học phần tự chọn (chọn 1/3)**		**2**								
1.5.1.1	TKXH1322H	Thống kê xã hội	2		2						
1.5.1.2	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	2								
1.5.1.3	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	2								
1.5.2.	**Các học phần tự chọn (chọn 2/4 học phần)**		**4**								
1.5.2.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	2		2						
1.5.2.2	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	2		2						
1.5.2.3	LOGI0722L	Logic học	2								

1.5.2.4	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	2								
1.6	**Kiến thức đại cương khác**		**9**								
1.6.1	**Ngoại ngữ**		**9**								
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
1.6.1.3	ATL10621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1	2					2			
1.6.1.3	ATL20621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2							2		
1.6.2.	**Giáo dục thể chất (3 TC - Chọn 3/10 HP)**										
1.6.3.	**Giáo dục quốc phòng** (165 tiết)										
Tổng			**121**	**14**	**16**	**14**	**16**	**18**	**16**	**17**	**10**

Cụ thể:

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	**14**		
1	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	2		
2	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	2		
3	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2		
4	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2		
5	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	2		
6	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2		
7	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	2		
8		Giáo dục thể chất	2		Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017
9		Giáo dục quốc phòng và an ninh	4		Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018
		Học phần tự chọn	**0**		
		Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	**14**		

Học kỳ 2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	**10**		
1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	3		
2	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
3	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	2		

4	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	3	TAC10622H	
5		Giáo dục quốc phòng và an ninh	4		Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018
		Học phần tự chọn	**6**		
6		Giáo dục thể chất	1		Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017
7	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	2		Chọn 2/4 HP
	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	2		
8	LOGI0722L	Logic học	2		
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	2		
9	TKXH1322H	Thống kê xã hội	2		Chọn 1/3 HP
	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	2		
	NMCT0322H	Nhập môn công tác xã hội	2	TLĐC0322L XHĐC0322L	
		Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	**16**		

Học kỳ 3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	**12**		
1	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
2	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	2		

3	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	2	TLĐC0322L	
4	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	3	TLĐC0322L	
5	XSTK1123L	Lý thuyết xác xuất và thống kê toán	3		
		Học phần tự chọn	**2**		
6	GVPT0322H	Giới và phát triển	2	XHĐC0322L	Chọn 1/2 HP
	GĐHO0322L	Gia đình học	2	XHĐC0322L	
		Tổng cộng	**14**		

Học kỳ 4

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	**16**		
1	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	3		
2	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	2		
2	KNSO0322H	Kỹ năng sống	2		
3	NCTL0323H	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	3		
4	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	3		
5	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	3		
		Học phần tự chọn	**2**		
7	NCHO0322L	Nhân chủng học	2		Chọn 1/2 HP
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2		
		Tổng cộng	**18**		

Học kỳ 5

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	**17**		
1	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	3		
2	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	3		
3	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	2		
4	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học 1	2		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
5	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	3		
6	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	3		
7	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	2		
		Học phần tự chọn	**0**		
		Tổng cộng	**17**		

Học kỳ 6

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	**15**		
1		Tham vấn và thực hành tham vấn	3		
2	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	3	TLXH0322L	
3	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	3	TLLĐ0322H	
4	THNN0323T	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	3	TLNN0322H	
5	ATL20622H	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học 2	2	ATL10622H	
		Học phần tự chọn	**0**		
		Tổng cộng	**15**		

Học kỳ 7

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	**5**		
1	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	3	TLĐC0322L	
2	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
		Học phần tự chọn	**12**		
3	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	3	TLĐC0322L	Chọn 2/4

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
4	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	3	TLĐC0322L	HP
		Công tác xã hội với người nghiện ma túy	3		
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	3	TLXH0322L	
5 6	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	3	TVCB0323H	Chọn 2/4 HP
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	3	TLĐC0322L TBĐC0323H	
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	3		
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	3		
		Tổng cộng	**17**		

Học kỳ 8

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	**4**		
1	TTTL0324T	Thực tập cuối khóa	4		
		Học phần tự chọn	**6**		
2	KLTL0326T	Khóa luận tốt nghiệp	6		
		Các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp	6		
3 4	TLGĐ0323H	Tâm lý học gia đình	3	TLĐC0322L	Chọn 2/4 HP để thay thế cho khoá luận tốt nghiệp
	TLHĐ0323H	Tâm lý học học đường	3	TLLS0323H	
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng	3	TVCB0323H	
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	3	TVCB0323H	
		Tổng cộng	**10**		

2.8. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

2.4.1. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

2.4.2. Xã hội học đại cương

Số tín chỉ: 02

Xã hội học học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất và cơ sở xã hội của các vấn đề, các sự kiện xã hội; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu xã hội, khái quát sự hình thành và phát triển của xã hội học và các hiện tượng xã hội; Các khái niệm và một số lý thuyết cơ bản của xã hội học..

2.4.3. Lịch sử văn minh thế giới

Số tín chỉ: 02

Lịch sử văn minh thế giới là cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người; Điều kiện hình thành nền văn minh; Trình độ phát triển kinh tế và phân hóa xã hội; Lịch sử thành lập và cấu trúc của Nhà nước; Những học thuyết chính trị, quan điểm triết học và các tôn giáo lớn cùng những thành tựu khoa học tự nhiên, kỹ thuật và văn học nghệ thuật; Khái niệm văn minh và văn hóa, những nét khái quát trong tiến trình phát triển của lịch sử văn minh nhân loại, sự vận dụng vào quá trình hội nhập các trào lưu văn minh thế giới và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

2.4.4. Đại cương văn hóa Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Học phần Đại cương văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Văn hóa Việt: Khái niệm văn hóa, văn minh, giao lưu tiếp biến văn hóa, âm dương ngũ hành; Các lý thuyết về văn hóa vùng miền, văn hóa ẩm thực, ăn mặc, tôn giáo, tín ngưỡng của con người Việt Nam.

2.4.5. Kỹ năng sống

Số tín chỉ: 02

Kỹ năng sống trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản về kỹ năng sống, tầm quan trọng của kỹ năng sống và kiến thức về một số kỹ năng sống cơ bản

2.4.6. Kỹ năng giao tiếp

Số tín chỉ: 02

Kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất về giao tiếp trong mối quan hệ giữa người với người: khái niệm, các đặc trưng cơ bản của giao tiếp, các yếu tố tham gia và chi phối cuộc giao tiếp, các phương thức tác động tâm lý trong giao tiếp.

2.4.7. Phương pháp nghiên cứu tâm lý học

Số tín chỉ : 03

Học phần mô tả các nội dung cơ bản về nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và các phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu tâm lý cụ thể. Đồng thời học phần hướng sinh viên cách thức nghiên cứu các hiện tượng tâm lý, để hoàn thiện một đề tài nghiên cứu tâm lý từ khâu chuẩn bị, tiến hành và tổng hợp viết báo cáo, nghiệm thu và công bố kết quả.

2.4.8. Xã hội học chuyên biệt

Số tín chỉ: 03

Xã hội học chuyên biệt cung cấp cho sinh viên kiến thức về các vấn đề cụ thể của xã hội dưới góc độ xã hội học: XHH nông thôn, XHH đô thị, XHH giáo dục, XHH gia đình…

2.4.9. Mĩ học đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên những về bản chất của mĩ học như: đối tượng của mỹ học, vai trò và tác dụng của đời sống thẩm mỹ đối với con người, mối quan hệ của mỹ học với các khoa học khác; Bản chất cái đẹp, bản chất của cái hài kịch, bản chất cái bi kịch, bản chất cái trác tuyệt; Bản chất và cấu trúc của chủ thể thẩm mỹ, phân loại các chủ thể thẩm mỹ; Nghệ thuật, cấu trúc của đời sống nghệ thuật, chức năng của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật.

2.4.10. Tâm lý học xã hội

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học xã hội cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về các hiện tượng

tâm lý xã hội: Đối tượng, nhiệm vụ, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý học xã hội; Bản chất, cơ chế hiểu hiện, hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội; Các hiện tượng tâm lý xã hội nhóm.

2.4.11. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Số tín chỉ: 02

Học phần bao gồm những kiến thức tổng quan về sức khỏe cộng đồng, chỉ số đánh giá về sức khỏe của cộng đồng, các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, các nội dung và phương pháp giáo dục sức khỏe, việc chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng cụ thể cũng như một số sơ cứu thông thường.

2.4.12. Nhân chủng học

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Quá trình phát triển, tiến hóa của con người; Các mối tương tác của con người với con người, con người với môi trường; Các tộc người và các vấn đề về con người trên phương diện lý thuyết lồng ghép và liên hệ cụ thể với những vấn đề về nhân học.

2.4.13. Giới và Phát triển

Số tín chỉ: 02

Giới và phát triển cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giới và phát triển: Các khái niệm cơ bản liên quan đến giới, cách tiếp cận nghiên cứu giới và phát triển, bình đẳng giới trong đời sống xã hội; Các kiến thức cơ bản về luật pháp, chính sách liên quan đến bình đẳng giới ở Việt Nam và quốc tế; Các kỹ năng thực hiện lồng ghép giới trong hoạt động truyền thông và trong các chương trình, chính sách, dự án phát triển.

2.4.14. Gia đình học

Số tín chỉ: 02

Gia đình học cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và một hệ thống các khái niệm cơ bản về gia đình; Các nghiên cứu ứng dụng thực tế về gia đình, cũng như các giai đoạn hình thành và phát triển của gia đình qua các thời kỳ; Những vấn đề mà hiện nay gia đình đang gặp phải.

2.4.15. Lịch sử tâm lý học

Số tín chỉ : 03

Giới thiệu những tư tưởng tâm lý học triết học thời cổ đại, tâm lý học tiền khoa học thời Phục hưng và các trường phái tâm lý học hiện đại qua các thời kỳ; Tâm lý học ra đời với tư cách là một ngành khoa học độc lập với mốc sự kiện 1872.4. Sự ra đời, thăng trầm của các trường phái: Tâm lý học chức năng, Phân tâm học, Tâm lý học hành vi, Tâm lý học Nhận thức, Tâm lý học nhân văn, Tâm lý học hiện sinh, Tâm lý học Gestalt, Tâm lý học hoạt động; Sự hình thành và phát triển Tâm lý học Việt Nam.

2.4.16. Sinh lý thần kinh

Số tín chỉ : 03

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sinh lý học thần kinh, cấu tạo não bộ và chức năng của não, hệ thần kinh, hoạt động thần kinh cấp cao và tâm lý. Hơn thế nữa, học phần người học được trang bị những kiến thức kỹ năng chuyên sâu về cơ chế sinh lý của tâm lý, cơ chế phản xạ, cung phản xạ, vòng phản xạ và mối liên hệ giữa các quy luật hoạt động thần kinh cấp cao với tâm lý người. Học phần là nền tảng kiến thức cho các môn học tiếp theo trong chương trình học. Đây là những kiến thức cần thiết, bắt buộc trong đào tạo sinh viên chuyên ngành Tâm lý học.

2.4.17. Tâm lý học phát triển

Số tín chỉ : 03

Môn học giới thiệu những nội dung cơ bản về sự phát triển tâm lý của con người; cách thiết kế và các phương pháp nghiên cứu sự phát triển tâm lý người. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu các lý thuyết cơ bản về nguồn gốc, động lực của phát triển tâm lý người; bản chất và cơ chế của sự phát triển tâm lý người; những kiến thức về quy luật, điều kiện và đặc điểm sự phát triển tâm lý của con người, với tư cách là thành viên của xã hội, qua các giai đoạn lứa tuổi từ trong bào thai, sinh ra, lớn lên, trưởng thành và già đi. Ngoài những kiến thức nêu trên, người học được tiếp cận với những quan điểm khoa học về những nhiệm vụ phát triển tâm lý trong từng giai đoạn cuộc đời để trở nên hữu ích và hạnh phúc hơn, giúp mỗi người phát triển tốt hơn những tiềm năng của bản thân mình.

2.4.18. Hành vi con người và môi trường xã hội

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hành vi con người, môi trường xã hội: Các cách tiếp cận nghiên cứu về HVCN &MTXH; Những kiến thức cơ bản về tâm lý, hành vi của con người ở những giai đoạn phát triển.

2.4.19. Tâm bệnh học đại cương

Số tín chỉ : 03

Tâm bệnh học đại cương nghiên cứu những biểu hiện và phương pháp điều trị các rối loạn tâm thần. Thông qua học phần sinh viên được làm quen với những khái niệm cơ bản của tâm bệnh, kiến thức ban đầu về nguyên nhân, phân loại và các phương pháp điều trị rối loạn tâm thần. Phần tiếp theo, môn học giúp sinh viên nắm được các triệu chứng, hội chứng rối loạn tâm thần chủ yếu. Cuối cùng, môn học giới thiệu những đặc điểm lâm sàng và tiêu chuẩn chẩn đoán một số rối loạn tâm thần thường gặp: tâm thần phân liệt; rối loạn tâm thần do nghiện chất; trầm cảm; lo âu và các rối loạn phát triển.

2.4.20. Tâm lý học dân tộc

Số tín chỉ : 03

Các hướng tiếp cận tâm lý học dân tộc trong các khoa học khác nhau, từ tâm lý học tới nhân chủng học văn hóa. Phác họa các hướng phát triển tâm lý học dân tộc, giới thiệu thành tựu của các trường phái cổ điển và mới nhất và các hướng nghiên cứu cơ bản trong nghiên cứu nhân cách, giao tiếp, hành vi xã hội. Những khía cạnh tâm lý xã hội của tính đồng nhất dân tộc, mối quan hệ giữa các dân tộc: định khuôn, định kiến, xung đột dân tộc, thích ứng tâm lý trong môi trường văn hóa mới. Đặc điểm tâm lý của người VN xưa và trong giai đoạn hội nhập.

2.4.21. Tâm lý học lâm sàng

Số tín chỉ: 03

Tâm lý học lâm sàng là môn học đề cập đến các khái niệm, các lý thuyết, các phương pháp tiếp cận chính; các phương pháp và công cụ lâm sàng. Đồng thời môn học này cũng hệ thống các quan điểm cơ bản trong việc tiếp cận, lý giải các vấn đề có liên quan đến tâm bệnh lý của con người. Bên cạnh đó tâm lý học lâm sàng cũng đề cập đến chức năng và các lĩnh vực hoạt động của nhà Tâm lý học lâm sàng; quy trình tiến hành ca lâm sàng; vấn đề đạo đức trong thực hành và nghiên cứu lâm sàng.

2.4.22. Tâm lý học lao động

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tâm lý con người trong hoạt động lao động, những vấn đề trong công tác hướng nghiệp, những hiểu biết về các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong tập thể lao động; Khả năng làm việc của con người và những điểm cần chú ý khi xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý, bầu không khí tâm lý trong lao động và

các yếu tố an toàn trong lao động; Các phương pháp quản lý, lãnh đạo trong tập thể.

2.4.23. Tâm lý học nhóm nhỏ

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung về tâm lý nhóm nhỏ như: khái niệm, đặc trưng, các loại hình nhóm nhỏ, sự hình thành và phát triển nhóm nhỏ, các hướng nghiên cứu về nhóm nhỏ; Phong cách lãnh đạo nhóm nhỏ, kỹ năng điều hành sinh hoạt nhóm nhỏ; Những nội dung cơ bản về tâm lý của từng loại hình nhóm nhỏ cụ thể như: nhóm sinh viên, nhóm người già, nhóm trẻ em, nhóm phụ nữ, nhóm đàn ông, nhóm thanh thiếu niên, nhóm doanh nhân….

2.4.24. Tham vấn và thực hành tham vấn

Số tín chỉ : 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tham vấn; các loại hình tham vấn; các khái niệm; nguyên tắc đạo đức và mối quan hệ đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn; các lý thuyết/cách tiếp cận; quy trình tham vấn và các kĩ năng tham vấn trong tham vấn cá nhân, tham vấn gia đình.

2.4.25. Thực hành tâm lý học lao động

Số tín chỉ : 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về tâm lý học lao động, những vấn đề chung, những vấn đề tâm lý trong tổ chức tập thể lao động, xác định động cơ nghề nghiệp đúng đắn, xây dựng chế độ nghỉ ngơi hợp lý, vận dụng âm thanh, màu sắc phù hợp tính đến yếu tố thẩm mỹ và sự an toàn trong lao động nhằm đạt năng suất lao động.

2.4.26. Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ

Số tín chỉ : 03

Học phần giúp cho sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng cơ bản về tâm lý nhóm nhỏ và thực hành tại cơ sở. Sinh viên vận dụng những kiến thức chung về tâm lý nhóm nhỏ, những đặc trưng của nhóm nhỏ, các loại hình nhóm nhỏ, các hiện tượng tâm lý nhóm nhỏ vàsự hình thành, phát triển nhóm nhỏ; phong cách lãnh đạo nhóm và các kỹ năng điều hành sinh hoạt nhóm nhỏ. Sinh viên vận dụng được kiến thức cơ bản về tâm lý nhóm nhỏ, những phương pháp, cách thức và kỹ năng làm việc với từng loại hình nhóm nhỏ cụ thể.

2.4.27. Thực hành tâm lý học xã hội

Số tín chỉ: 03

Học phần thực hành tâm lý học xã hội cung cấp cho người học kỹ năng phát hiện vấn đề trong việc nhìn nhận, nghiên cứu và đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội. Thông qua việc hệ thống hóa và trang bị cho người học hệ thống các phương pháp nghiên cứu đặc thù, môn học hướng tới việc giúp sinh viên có thể tự xây dựng bộ công cụ nghiên cứu sao cho phù hợp với hiện tượng tâm lý mình quan tâm để phân tích làm rõ nguyên nhân các hiện tượng đó.

2.4.28. Tâm lý học phụ nữ

Số tín chỉ: 03

Tâm lý học phụ nữ trình bày những nội dung cơ bản về tâm sinh lý phụ nữ như cấu tạo cơ thể của phụ nữ, đặc điểm xu hướng nhân cách của phụ nữ, đặc điểm tâm lý tình dục của phụ nữ, từ đó vận dụng trong giao tiếp và làm việc với phụ nữ một cách hiệu quả.

2.4.29. Tâm lý học người cao tuổi

Số tín chỉ: 03

Tâm lý học người cao tuổi cung cấp cho người học các kiến thức về tâm sinh lý cảu người cao tuổi, những vấn đề thường gặp ở người cao tuổi. Học xong môn Tâm lý học người cao tuổi sinh viên có kiến thức, phương pháp và các kỹ năng cần thiết để làm việc với ngừi cao tuổi. Ngoài ra môn học cũng cung cấp cho người học các kiến thức trong việc chăm sóc và tiếp xúc với người cao tuổi.

2.4.30. Công tác xã hội với người nghiện ma túy

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về Công tác xã hội với người nghiện ma túy, nghiện là gì, bản chất của nghiện và các khái niệm, phương pháp công tác xã hội với người nghiện ma túy, nguyên tắc, vai trò của nhân viên công tác xã hội cũng như luật pháp chính sách về phòng chống ma túy. Đồng thời qua học phần sẽ hình thành thái độ nghề nghiệp và các kỹ năng làm việc với người nghiện ma túy hỗ trợ và giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện và dự phòng tái nghiện, tái hòa nhập cộng đồng hiệu quả. Người học sẽ lĩnh hội và vận dụng được tri thức về các hoạt động công tác xã hội với người nghiện ma túy và ứng dụng vào thực tiễn làm việc sau khi ra trường.

2.4.31. Tâm lý học quản lý

Số tín chỉ: 03

Học phần này gồm những vấn đề cơ bản sau: Đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của tâm lý học quản lý, bản chất của quản lý, lãnh đạo; Vai trò của người quản lý; Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo như các phẩm chất, những năng lực, uy tín và phong cách của người lãnh đạo, đặc điểm tâm lý của quá trình ra quyết định quản lý của người lãnh đạo; Đặc điểm tâm lý của người lao động (nhu cầu, động cơ, nguyện vọng, và một số nét tâm lý đặc trưng của người lao động theo các loại hình lao động khác nhau); Những quy luật tâm lý mà nhà lãnh đạo cần quan tâm khi làm việc với người lao động; Đặc điểm tâm lý xã hội của tập thể lao động, những hiện tượng tâm lý xã hội trong thể lao động, các biện pháp tác động đến người lao động và tập thể lao động, xung đột và giải quyết xung đột trọng tập thể lao động; Chức năng, hình thức giao tiếp trong công tác quản lý; Tâm lý học với việc quản lý sử dụng con người và công tác tổ chức cán bộ.

2.4.32. Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần

Số tín chỉ: 03

Học phần Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tham vấn chăm sóc sức khỏe tâm thần nói chung và kiến thức, kỹ năng, quy trình tham vấn cho một số trường hợp đặc biệt như: Tham vấn chăm sóc sức khỏe tâm thần cho trẻ em bị khủng hoảng tâm lý; Tham vấn chăm sóc sức khỏe tâm thần cho nạn nhân buôn bán người; Tham vấn chăm sóc sức khỏe tâm thần cho người nghiện ma túy... Trên cơ sở đó bước đầu hình thành một số kỹ năng cơ bản trong tham vấn chăm sóc sức khoẻ tâm thần cho một số nhóm xã hội đặc biệt....

2.4.33. Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên

Số tín chỉ: 03

Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên đề cập đến những khái niệm, lý thuyết cơ bản, đặc biệt tập trung vào phân tích đặc điểm cấu trúc tâm trí, đặc điểm lâm sàng của các nhóm bệnh theo các kiểu cấu trúc tâm trí mà trẻ em và thanh thiếu niên thường có. Các nhóm bệnh này được phân tích theo ba nhóm tuổi chính: trẻ sơ sinh (từ 0 đến 2 tuổi), trẻ em (từ 2 đến 11 tuổi) và thanh thiếu niên. Phần cuối của môn học sẽ đề cập đến vấn đề tổ chức phòng ngừa và chăm sóc, chữa trị trẻ em và thanh thiếu niên mắc phải những bệnh này, ở Việt Nam hiện nay. Toàn bộ nội dung của môn học chia thành bốn bài, được tổ chức dạy và học trong 15 tuần.

2.4.34. Công tác xã hội với người khuyết tật

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về người khuyết tật như khái niệm, đặc điểm, nhu cầu của người khuyết tật; Các cách tiếp cận khác nhau về vấn đề khuyết tật; Hệ thống luật pháp, chính sách và các mô hình trợ giúp người khuyết tật; Các phương pháp, kỹ năng cơ bản trong trợ giúp và làm việc với người khuyết tật.

2.4.35. Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng chung về công tác trợ giúp người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS: Kiến thức chung về HIV, các đặc điểm tâm lý và nhu cầu của người có HIV, vấn đề về kỳ thị và phòng chống kỳ thị với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; các kỹ năng làm việc với nguời nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; các nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ cho người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

2.4.36. Thực tập cuối khóa

Số tín chỉ: 04

Học phần này tập trung vào việc rèn luyện khả năng ứng dụng kiến thức của sinh viên nhằm hình thành các kỹ năng, tạo điều kiện cho sinh viên áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã tích luỹ được từ các học phần khác nhau của ngành Tâm lý học vào các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Ở học phần này, sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào cơ sở thực tập. Trên cơ sở vận dụng các kiến thức vào thực hành nghề nghiệp, sinh viên sẽ đưa ra các đề xuất, khuyến nghị cho công tác đào tạo, các nhà thực hành và các đối tác có liên quan phát triển các dịch vụ tâm lý học.

2.4.37. Tâm lý học gia đình

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản, nền tảng về gia đình (tiếp cận gia đình từ góc độ Tâm lý học). Người học cần nắm vững phương pháp nghiên cứu mang tính đặc thù của Tâm lý học gia đình, có khả năng vận dụng những phương pháp này vào phân tích những vấn đề mang tính lý luận như: quá trình hội nhập vợ chồng, các mối quan hệ trong gia đình, bầu không khí tâm lý gia đình, ly hôn ly tán gia đình..

2.4.38. Tâm lý học học đường

Số tín chỉ: 03

Tâm lý học học đường trang bị cho sinh viên những kiến thức chung như khái niệm, đối tượng, lịch sử hình thành và các phương pháp nghiên cứu. Để có thể làm tốt công tác trợ giúp tâm lý cho học sinh, ngoài việc được trang bị, tìm hiểu những kiến thức về các đặc điểm của các hoạt động trợ giúp tâm lý, các đặc thù của tham vấn học đường…sinh viên sẽ được hình thành thái độ tích cực trong học tập, trong hoạt động nghề nghiệp thông qua việc các em được trang bị và tìm hiểu về các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, các nguyên tắc chẩn đoán tâm lý. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được tìm hiểu về vấn đề học kém của học sinh và cách tiếp cận, hỗ trợ các học sinh học kém.

2.4.39. Tham vấn cho trẻ em bị lạm dụng

Số tín chỉ: 03

Môn học tham vấn cho trẻ bị lạm dụng sẽ trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về tham vấn nói chung và chuyên sâu về tham vấn cho trẻ bị lạm dụng. Sinh viên được hiểu rõ hơn về các hình thức trẻ bị lạm dụng, nguyên nhân, hậu quả của việc trẻ bị lạm dụng và các dấu hiệu nhận biết trẻ bị lạm dụng. Ngoài những kiến thức nêu trên, sinh viên còn được tìm hiểu về các hình thức và một số kỹ năng tham vấn cho trẻ bị lạm dụng. Sinh viên cũng được tìm hiểu quy trình tham vấn cho trẻ bị lạm dụng, một số điểm cần lưu ý khi tham vấn cho trẻ bị lạm dụng và được thực hành một số kỹ năng tham vấn theo quy trình.

2.4.40. Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về tham vấn hôn nhân gia đình. Quan trọng hơn, học phần tập trung vào trang bị những kiến thức và kỹ năng tham vấn các vấn đề nảy sinh trong gia đình và nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trong giữ gìn hôn nhân hạnh phúc.

2.4.41. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 06

Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành Tâm lý học. Học phần này gồm 3 chương là chương 1:Cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu; chương 2: Thực trạng vấn đề nghiên cứu; Chương 3: Giải pháp, khuyến nghị và kết luận. Kết thúc học phần, người học báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức Khóa luận tốt nghiệp.

2.4.42. Lý thuyết xác suất và Thống kê toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên nghành về sau.

2.4.43. Triết học Mác - Lênin

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Cung cấp những kiến thức về triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội. Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2.4.44. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.4.45. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp những kiến thức cơ bản về: Khái niêm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân và vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người..

2.4.46. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Nội dung của học phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học và thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa..

2.4.47. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp nội dung tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó cung cấp những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

2.4.48. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2.4.49. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

2.4.50. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

2.4.51. Thống kê xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng nghiên cứu của thống kê xã hội; Quá trình nghiên cứu thống kê xã hội; Nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng KTXH; Thống kê giáo dục và đào tạo; Thống kê hôn nhân và gia đình; Thống kê y tế và bảo vệ sức khỏe nhân dân ;Thống kê văn hóa thể thao và du lịch; Thống kê an sinh xã hội; Thống kê mức sống dân cư.

2.4.52. Pháp luật về các vấn đề xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giới thiệu chung Pháp luật về các vấn đề xã hội; Pháp luật về lao động, việc làm; Pháp luật về người có công với cách mạng; Pháp luật về phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật; Pháp luật về phòng, chống mại dâm, ma túy, mê tín, dị đoan và xử lý đánh bạc trái phép.

2.4.53. Nhập môn công tác xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về công tác xã hội: Khái niệm, mục đích, chức năng nhiệm vụ của CTXH; Lịch sử hình thành ngành công tác xã hội; Các yêu cầu đối với người nhân viên Công tác xã hội.

2.4.54. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector; Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.

2.4.55. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

2.4.56. Logic học

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

2.4.57. Phương pháp luận NCKH

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

2.4.58. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

2.4.59. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

2.4.60. Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý học 1

Số tín chỉ : 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản về Tâm lý học

lâm sàng, tâm lý học xã hội, tâm lý học phát triển, tâm lý lao động, hành vi con người và môi trường xã hội, tâm lý học tổ chức...

2.4.61. Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý học 2

Số tín chỉ : 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản về Kỹ năng tham vấn cho các đối tượng, trẻ em, phu nữ bị bạo hành, người nghiện ma túy…Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sống, tâm lý học ứng dụng...

2.4.62. Thể dục – Điền kinh

Số tín chỉ: 01

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về: Bài tập phát triển chung 13 động tác. Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; Luật thi đấu môn nhảy cao

2.4.63. Bóng chuyền 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

2.4.64. Bóng chuyền 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức nâng cao về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền2, Kỹ thuật phát bóng.

2.4.65. Bóng rổ 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

2.4.66. Bóng rổ 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Bóng rổ, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tại, tập luyện các kỹ thuật Bóng rổ một cách thuần thục

hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

2.4.67. Cầu lông 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

2.4.68. Cầu lông 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Cầu lông, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Cầu lông một cách thuần thục hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật giao cầu,Kỹ thuật đánh cầu cao sâu phải trái

2.4.69. Cờ vua 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về: Nguồn gốc ra đời của môn cờ vua. Lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên trên thế giới và Việt Nam . Xu hướng phát triển, tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam. Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu.

Một số điều luật trong cờ vua.

2.4.70. Cờ vua 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản: Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1

Giai đoạn khai cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

2.4.71. Cờ vua 3

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về: Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1. Giai đoạn trung cuộc của ván đấu.Một số điều luật trong cờ vua.

2.4.72. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng,an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

2.4.73. Công tác quốc phòng an ninh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống và vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở Việt Nam.

2.4.74. Quân sự chung

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh: hiểu biết về lịch sử ra đời, truyền thống của các quân binh chủng trong quân đội; các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, các nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết và biết cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự; hiểu biết về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống trong chiến tranh; rèn luyện và thi đấu ba môn quân sự phối hợp

2.4.75. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tính năng, cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lựu đạn. Trình tự các bước thực hành ngắm bắn và trình tự các bước thực hành ném lựu đạn. Kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới

2.9. Đối sánh CTĐT với các Trường Đại học đã tham khảo

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo TLH – ULSA	Mức độ tương đồng
Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội	**Cấu trúc**	**Tổng: 134 tín chỉ** *** Khối kiến thức giáo dục đại cương: 16 TC** - Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 TC - Ngoại ngữ: 5 TC *** Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 118 TC** - Kiến thức cơ sở ngành: 29 TC - Kiến thức ngành: 27 TC -Kiến thức theo nhóm ngành: 15 TC - Kiến thức chuyên ngành: 47 TC Thực tập: 3 TC Khoá luận: 6TC	**Tổng: 121 tín chỉ** *** Khối kiến thức giáo dục đại cương: 31 TC** - Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 TC - Ngoại ngữ: 5 TC - Tin học: 4 TC - Khoa học tự nhiên: 3 TC -Khoa học XH: 8 TC *** Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 TC** - Kiến thức cơ sở ngành: 16 TC - Kiến thức cơ sở khối ngành: 10 TC - Kiến thức chuyên ngành: 54 TC Thực tập: 4 TC Khoá luận: 6TC	Số lượng TC của ULSA ít hơn. Cụ thể là tập trung ở khối kiến thức giáo dục đại cương là 31 TC so với 16 TC. Số lượng TC này tập trung nhiều hơn vào môn khoa học tự nhiên (lý thuyết xác suất và thống kê toán) và khoa học xã hội (đại cương văn hóa Việt Nam, Pháp luật đại cương) và một số môn bổ trợ khác KHXHNV:Các môn liên quan tới khối kiến thức khối ngành và khối kiến thức theo lĩnh vực và kiến thức chuyên ngành cũng nhiều hơn.. Tuy nhiên các môn học có những thay

				đổi nhất định sẽ được mô tả trong phần nội dung
	Nội dung	**Các học phần có tên gọi khác là:** -Kinh tế học đại cương -Thực hành văn bản tiếng Việt -Nhập môn năng lực thông tin -Viết học thuật -Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng -Nhập môn xử lý dữ liệu định lượng -Tôn giáo học đại cương -Tham vấn nguồn nhân lực -Tâm lý học tình dục -Tâm lý học hành vi lệch chuẩn -Tâm lý học sức khỏe -Não bộ, hành vi và sức khỏe -Tâm lý học pháp lý -Tâm lý học giới -Tâm lý học du lịch -Đạo đức nghề tham vấn -Tham vấn hôn nhân và gia đình...	**Các học phần có tên gọi khác là:** -Mĩ học đại cương -Lịch sử văn minh thế giới - Giới và phát triển - Nhân chủng học -Kỹ năng giao tiếp -Kỹ năng sống - Tâm lý học dân tộc -Tâm lý học nhóm nhỏ - Tâm lý học phụ nữ -Tâm lý học người cao tuổi - Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần - Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên -Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng -Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình...	Về nội dung học phần của 2 chương trình có những điểm khác biệt nhất định. Cụ thể là chương trình của trường KHXHNV do cách phân chia đi theo lĩnh vực của TLH nên có nhiều môn học tách nhỏ ra đi theo các lĩnh vực này. Ngoài ra họ đều có các môn thực hành và nâng cao trong các lĩnh vực phân chia còn chương trình ULSA rải đều cho các khối kiến thức. Tuy nhiên về cơ bản 2 chương trình vẫn có sự đảm bảo tương đồng về nội dung. Sự khác biệt là do cách phân chia chương trình.
Đại học Sư Phạm Hà Nội	**Cấu trúc**	**Tổng: 149 tín chỉ** *** Khối kiến thức giáo dục đại cương: 31TC** - Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 TC - Ngoại ngữ: 10 TC	**Tổng: 121 tín chỉ** *** Khối kiến thức giáo dục đại cương: 31 TC** - Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 TC - Ngoại ngữ: 5 TC	Số lượng TC của ULSA ít hơn. Về số lượng tín chỉ ở khối kiến thức giáo dục đại cương là như nhau.

		- Tin học 2 -Khoa học XH: 9 TC *** Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 118 TC** - Kiến thức cơ sở ngành: 40 TC - Kiến thức ngành: 31 TC - Kiến thức chuyên ngành: 47 TC Thực tập sư phạm : 6 TC Khoá luận: 10 TC	- Tin học: 4 TC - Khoa học tự nhiên: 3 TC -Khoa học XH: 8 TC *** Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 TC** - Kiến thức cơ sở ngành: 16 TC - Kiến thức cơ sở khối ngành: 10 TC - Kiến thức chuyên ngành: 54 TC Thực tập: 4 TC Khoá luận: 6TC	Có sự khác biệt đáng kể ở khối kiến thức cơ sở ngành. Có sự khác biệt đáng kể ở khối kiến thức chuyên ngành. Có sự khác biệt không đáng kể ở khối kiến thức ngành Tuy nhiên các môn học có những thay đổi nhất định sẽ được mô tả trong phần nội dung
	Nội dung	**Các học phần có tên gọi khác là:** -Mỹ học và giáo dục thẩm mĩ -Quản lý nhà nước và quản lý ngành giáo dục -Lý luận dạy học -Lý luận giáo dục -Kiến tập sư phạm -Thực tập sư phạm -Các giai đoạn phát triển tâm lý người -Tâm lý học đức dục -Giáo dục học đại học -Lý luận và phương pháp dạy học -Tâm lý học trẻ em khuyết tật - Tâm lí học lao động sư phạm của người thầy giáo -Giáo dục vì sự bền vững	**Các học phần có tên gọi khác là:** -Mĩ học đại cương -Lịch sử văn minh thế giới - Giới và phát triển - Nhân chủng học -Kỹ năng giao tiếp -Kỹ năng sống - Tâm lý học dân tộc -Tâm lý học nhóm nhỏ - Tâm lý học phụ nữ -Tâm lý học người cao tuổi - Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần - Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên -Tham vấn cho trẻ bị lạm dụng -Tham vấn cho phụ nữ	Chương trình ĐHSPHN ở các học phần tự chọn có nhiều môn khác nhưng chủ yếu nằm ở các học phần liên quan đến khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Khối kiến thức ngành khá tương thích và tương đồng (khoảng 90%). ĐHSPHN có một số môn học mang đặc thù của nghề sư phạm và giáo dục. Còn với ULSA thì tập trung nhiều hơn vào các học phần tâm lý học mang tính tổng quát,

		- Vệ sinh học đường - Giáo dục lại	bị bạo lực gia đình...	bao quát hơn.

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa quản lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với đặc tả trong chương trình đào tạo.

Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định có liên quan hiện hành của Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Trưởng khoa Công tác xã hội, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Trưởng khoa đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập.

Chương trình đào tạo được rà soát cập nhập mỗi năm (chính sách tuyển sinh, tài liệu học tập, cải tiến phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá) và rà 01 năm một lần (điều chỉnh thay đổi số lượng tín chỉ, thêm hoặc bớt học phần) để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Hà nội, ngày 07 tháng 5 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Tiêu Thị Minh Hường